

**Hoàng Mai Đạt**

## **Êm dịu đêm giao thừa**



Đêm giao thừa năm ấy lạnh gần 0 độ F, mà theo thông lệ của gia đình, tôi phải ra ngoài đường. Nói cho đúng là tôi bị “đuổi” ra ngoài đường khoảng mười phút trước nửa đêm. Gia đình nào cũng có một vài thông lệ, thói quen kỳ cục. Riêng gia đình tôi, tôi phải bước ra khỏi nhà trước giờ giao thừa, để sau đó trở lại nhà và xông đất. Khác với mấy năm trước, đêm giao thừa năm đó lòng tôi lại nôn nao chờ đợi giờ bị “đuổi” ra ngoài cửa.

Thông lệ xông đất kỳ cục này bắt đầu từ năm đầu tiên chúng tôi mới đến Mỹ. Mùa đông năm 1976, đầu tháng Hai, chúng tôi cũng ăn Tết, cũng chờ đón đêm giao thừa như khi còn ở Nha Trang. Tuy nhiên, ba mẹ con tôi không có bánh chưng bánh tét, ngay cả đến mứt dừa mứt bí cũng không.

Nơi chúng tôi ở có vài người Việt. Gia đình tôi may mắn có một phụ nữ biết nấu ăn ở trong nhà, và vì thế nhà tôi thường là nơi tụ tập cuối tuần của mớ người Việt trong vùng. Thật sự thì mẹ tôi chỉ biết nấu dăm ba món kho thịt, kho cá, xào rau, canh sườn hầm, và phở ăn với rau ngò tây, đủ nuôi hai anh em tôi cho đỡ thèm mấy món Việt Nam. Năm đó, mẹ quyết định làm món thịt bò nhúng dấm cho mọi người ăn đêm Giao Thừa, mừng đón Xuân về lần đầu tiên.

Vào khoảng chín giờ tối, bác Châu lái xe mang tôi ra chợ mua thêm thịt bò. Bác Châu còn vợ con bị kẹt ở Sài Gòn. Sau vài lần đến thăm nhà và “coi mắt” mẹ tôi, bác chính thức trở thành “bạn trai” của mẹ trong đám người Việt lura thừa tại đây. Bố tôi chết trận ở Tuy Hòa, khi tôi mới có bốn, năm tuổi, còn em tôi mới chừng hai tuổi non. Trong năm đầu quen nhau, cặp bò trung niên lờ đờ này chỉ gặp nhau vào dịp cuối tuần. Đến khi chúng tôi dọn về xóm lao động West Homestead thì bác mới ở luôn với mẹ con tôi, cho đỡ tốn tiền nhà. Bác ở dưới hầm, trong khi mẹ con tôi chia nhau hai phòng ngủ ở trên tầng hai. Tôi mừng có bác đến sống chung, giúp mẹ có thêm “đối tượng” để rầy mắng và giúp tôi có người “đỡ đạn”. Đêm hôm ấy bác Châu cũng đến chơi cho mấy mẹ con bớt cô đơn, cho mẹ có người lớn để chọc cười và mắng la lúc say rượu. Bác lái xe đưa tôi xuống chợ. Lúc về xe chết máy cách nhà hơn hai dặm đường. Bác để xe từ từ lăn xuống dốc, cho nó ửi vào một gò tuyết bên đường, rồi ông đeo găng tay làm lũi bước ra mở nắp máy xe.

Tôi cầm đèn pin rọi vào máy, trong khi bác loay hoay vặn mấy cái bu-gi, sờ bình điện này nọ, thỉnh thoảng ông lầm bầm chửi thề, tiếng Việt tiếng Mỹ tùm lum. Có lẽ vì xe không hiểu tiếng Anh lạng quạng của chúng tôi, cuối cùng hai bác cháu phải chịu thua và bỏ xe nằm ở lề đường. Sau đó chúng tôi lội tuyết đi bộ về nhà. Hơn hai dặm đường bác không nói gì cả. Còn tôi, tay cầm túi thịt bò, chân đi tìm chỗ có băng đá để trượt. Túi thịt bị tôi đè lên không biết bao nhiêu lần mỗi khi tôi té. Thỉnh thoảng bác la lớn trong đêm tuyết lạnh, “Coi chừng té gãy xương nghe mậy!”

Về đến nhà vừa quá mười hai giờ đêm, chúng tôi cùng xông đất cho năm

mới. Nguyên một năm sau đó gia đình tôi làm ăn khá khá, mẹ được việc làm ở xưởng chế máy khoan dầu, còn hai anh em chúng tôi học toàn điểm A với B. Bác Châu cũng xin được việc làm cùng xưởng với mẹ, giúp mẹ có người nói chuyện lúc buồn miêng. Từ lúc xông đất đó, mẹ cho rằng nhờ tôi là người bước vào nhà đầu năm, nên cả năm chúng tôi được nhiều điều tốt lành, và rồi bà ra lệnh cho tôi xông đất cho gia đình vào mỗi đêm giao thừa. Kể từ năm ấy, truyền thống kỳ cục đó bắt đầu, mặc dù bác Châu có đôi lần ngăn cản, sợ tôi bị cảm lạnh hay bị chó cắn ở ngoài đường. Tôi thì không ngại lắm. Nửa đêm, đi một vòng ngoài phố, ném bảy bọ mấy trái banh tuyết, xong về nhà, thì chẳng đáng cho tôi phải phản đối, nổi loạn chống mẹ với “bạn trai” chỉ cho một.

Trở lại câu chuyện vào đêm giao thừa lạnh lẽo năm đó, khi mà nhiệt độ xuống đến 0 độ. Gần nửa đêm hết thấy nhân vật Việt tị nạn, được xem là quan trọng nhất trong phố, đã tụ tập đến nhà tôi đầy đủ. Họ mặc áo len, áo lót hai ba lớp, khiến cho người nào cũng đầy tròn như những đòn bánh tét vừa hớ mặt, lại lòi chân. Mẹ mời chú Vinh, chú Đức là bạn làm cùng sở, chú Tùng đang học kỹ sư năm cuối cùng ở Đại Học Pittsburgh, và chú Thuận sống cách nhà chúng tôi mấy căn. Như tôi đã nói, mấy người này toàn là các nhân vật gốc Việt quan trọng nhất trong cộng đồng nhỏ bé của chúng tôi. Lúc bấy giờ chúng tôi chưa có hội người Việt. Nếu có, mẹ tôi chắc chắn là người giữ chức chủ tịch, kiêm luôn chức thủ quỹ và điều hợp sinh hoạt cuối tuần.

Chú Vinh, chú Đức cuối tuần nào cũng quanh quẩn ở nhà chúng tôi, ăn nhậu cho qua ngày tháng xa gia đình ở xứ người. Ngồi ở bàn nhậu trong bầu không khí ấm cúng, thân mật, thỉnh thoảng hớp tí bia rượu vào người để

hâm nóng cơ thể, người nào hình như cũng thích kể chuyện về quá khứ của mình, mà có kể thì rồi cũng thôi phồng thêm, cho đòi mình bớt tầm thường, tẻ nhạt. Bác Châu thường kể mình là đại úy cảnh sát, bạn thân của ông tỉnh trưởng Sóc Trăng nào đó, mà khi còn bé cả hai “đại úy” và “tỉnh trưởng” thích tắm trường dưới mưa và rượt đuổi mấy đứa hàng xóm. Mẹ tôi hay nói bà có tiệm buôn gạo lớn nhất Nha Trang, nắm hơn một triệu bạc trong tay, biết hết mấy vụ gạo ở miền lục tỉnh. Sự thực thì có thể chỉ đúng khoảng một nửa. Bác là cảnh sát nhưng không là đại úy, và tiệm buôn gạo của mẹ tôi chứa không tới hai mươi bao gạo một trăm ký. Chuyện bác tắm trường với tỉnh trưởng thì chắc có thật.

Chú Vinh kể nhiều lần rằng khi trước chú đi lính bộ binh, cấp bậc đại úy, và từng bắn chết mấy chục tên Việt Cộng trong trận Hạ Lào. Chú có bộ râu mép rậm, lua thưa cọng bạc. Những khi chú nói hăng quá, hàng râu uốn éo, như cánh chim chao đảo, ngắt ngư muốn té xuống ruộng. Còn chú Đức quê ở Bình Định, lính nhảy dù, cũng đại úy. Tôi thấy hình như ai cũng thích làm đại úy, thôi phồng mình là thiếu tá thì có lẽ hơi quá đáng, nên họ thường dừng ở mức đại úy, nghe cũng vừa ngon lành và kêu lộp cộp sượng lỗ tai. Tôi không nghe chú Đức nói bắn ai, chỉ nghe chú thường nhắc có cô bò học sinh trường Nữ ở Nha Trang và có thấy khi đốt đồ ở Tuy Hòa.

Chú Tùng ở Mỹ từ trước 1975, cha mẹ cho đi du học, mà học hành dở dang vì Sài Gòn có chế độ mới, bây giờ chú tiếp tục học cho xong bằng kỹ sư. Có một lần uống bia hơi nhiều, chú Tùng cho biết còn người yêu ở Việt Nam mà sau 1975 không có liên lạc thư từ gì được hết. Chú Tùng thích nghe Khánh Ly hát nhạc Trịnh Công Sơn. Những khi tàn bữa nhậu, chú hay vác đàn ra hát bài Biển Nhớ, mắt lim dim như ông già đánh đàn trong tranh của

Picasso, thỉnh thoảng hé mắt, cong đôi chân mày nhìn vào mắt tôi, khiến tôi phải làm bộ gấp đồ ăn để có dịp ngoi đi chỗ khác. Ban đầu tôi còn rán ngồi nghe chú hát, sau thấy buồn quá, nhất là sợ bị chú nhìn với đôi mắt luyến ái, nên tôi hay tìm cơ lên lên phòng ngủ.

Còn chú Thuận, mà mẹ tôi hay gọi là “thằng” Thuận, có vợ và hai con còn ở Rạch Giá. Tôi biết chú có gia đình nhân một bữa đi theo chú để nghe và thông dịch dùm chú. Tại nhà thờ bảo trợ chú Thuận, người ta nhận được thư từ Việt Nam gửi đến địa chỉ của hội USCC, nhờ trao lại cho chú Thuận. Tôi nghe chú lắm bầm, thắc mắc sao vợ con mò ra địa chỉ để gửi thư cho chú. Chú không liên lạc với vợ con, sống một mình, đi làm mỗi ngày mấy tiếng đồng hồ, lau chùi hút bụi tại một trường đại học cộng đồng gần nhà. Chú Thuận nghiện rượu, người lúc nào cũng hôi mùi rượu, mà tại uống nhiều quá nên không ăn uống gì, người ốm nhách, nặng không quá chín mươi cân Anh. Đã vậy chú còn để tóc dài hippy, râu ria tùm lum. Mặt chú to, mũi cao, mắt lớn, trông có vẻ Tây Ban Nha hơn là Việt Nam. Chú hay giỡn, nói mình là Giê-su, giống mấy hình Đức Chúa tóc dài mà người ta thường bày bán ở chợ K-Mart.

Tôi quen thân với chú Thuận hơn mấy người bạn kia của mẹ, một phần có lẽ là vì chú ở gần nhà, thỉnh thoảng buồn buồn tôi chạy qua phòng chú chơi. Chú ở dưới một căn hầm, bên trên là gia đình chủ nhà người gốc Ý. Chú Thuận nhát lắm. Có lần vừa bước vào bậc gỗ xuống hầm chú ở, trời chập choạng tối, tôi nghe chú la lên bằng tiếng Anh ngập ngừng, phát âm sai, không đầu không đuôi, mà đại khái là, “Mày vô... tao đâm... ngưng... tao giết.” Tôi cũng la lên bằng tiếng Việt, “Đạt đây chú.” Rồi chú mở cửa cho tôi vào, tay vẫn còn cầm chặt con dao găm chú mua ở tiệm bán đồ lính, mắt

đỏ ngẫu.

Phòng chú Thuận tối om, chỉ có một cây đèn ở trong góc. Tôi qua chơi cho chú có người để nói chuyện, nhất là nghe chuyện chú đi lính lang bang đó đây ở Việt Nam, rồi bù lại tôi được xem mấy cuốn Playboy chú để ở chân đèn. Lúc đó tôi vừa mười sáu tuổi, trong người rạo rức khó chịu, thành thử chuyện quá khứ của chú tôi cũng nghe cho qua thôi, chứ mắt thì không thể nào rời mấy tấm hình trần truồng coi đã con mắt. Thấy tôi coi hoài hình phụ nữ khỏa thân, chú cũng ngại. Ban đầu chú nói coi ít ít thôi, chứ không mẹ biết được thì “bả” sẽ mắng chú chết. Thấy tôi không ngán lắm, cứ dờ mắt ra xem phụ nữ trần truồng, chú hù là coi nhiều quá thì sẽ bị mù mắt hoặc bị tê liệt gì đó. Không cần chú dọa thêm, tôi cũng dần dần bớt nghiền ngẫm hình ở truồng, vì chú không có cuốn nào mới hơn, hay chú giấu mấy cuốn mới đi mà tôi không biết. Coi hoài mấy cái hình riết rồi tôi cũng chán, chán luôn cả chú Thuận vì chú lúc nào cũng say, cũng kể đi kể lại mấy cái chuyện đi lính cũ mèm.

Trở lại cái đêm đông lạnh lẽo gần 0 độ kia, lúc ấy tôi vừa mười bảy tuổi, tuổi mọc sừng dê, hơi trẻ đối với một số bạn Mỹ của tôi, vì tụi nó đã dám vào tiệm mua túi condom, còn tôi chỉ nói tới “áo mưa” thôi, thì miệng lưỡi đã đóng mở, uôn éo lộn xộn, nói không ra hơi, mà trong người lại thấy ngứa ngáy khoái cảm. Có lẽ tại sừng của tôi thuộc loại phát triển chậm, khiến tôi lúc ấy chưa dám tán gái bằng miệng, như lũ bạn Mỹ mắc dịch. Trong lớp học tôi nổi tiếng là người trầm lặng nhất, có biệt hiệu “the quiet one.” Tôi ít nói là vì tôi nói dở, thường phát biểu không đầu không đuôi. Nói đã khó hiểu, mà khi lúng túng với con gái, giọng của tôi cũng thay đổi trầm bổng bất thường, hay bổng hơn là trầm, có khi nheo nhéo mỏng cao như giọng của

bà tiên trong phim The Wizard of Oz. Mấy thầy cô cũng thông cảm trường hợp nói năng đặc biệt của tôi, nên ít bắt tôi phải trả lời trong lớp, cho tôi phát biểu khi tôi gom đủ gan dạ để giơ tay lên góp ý mà không đỏ mặt, run rẩy tay chân.

Nói dở là cái “tài” của tôi. Mà trời cao cũng có mắt, sinh voi sinh cỏ, tạo ra tôi và cũng tạo ra “nàng.” Nàng này tên là Shawn, và nhờ cái tài nói dở, ít mở miệng tôi được nàng để ý đến. Tôi biết Shawn dòm ngó mình từ lúc để cho nàng ký tên vào cuốn lưu niệm yearbook hàng năm. Mấy đứa bạn trong lớp đều ký tên và viết dăm ba chữ, đại khái như “Chúc mày thành công trên đường đời, muốn gì được đó,” “Rất hân hạnh được biết một người Việt Nam như Đạt.” Có thằng bạn nói tôi giống người Nhật, lại làm toán giỏi hơn nó, nên nó hay chọc tôi là khoa học gia hỏa tiễn. Đứa bạn này viết, “Sau này có làm khoa học gia hỏa tiễn nhớ đừng quên tao.” Có đứa viết “Nhớ nhau suốt đời.” Chữ “suốt đời” lúc nào cũng được các bạn tôi viết với số 4 bên cạnh chữ ever một cách âu yếm, và vân vân.

Riêng cô nàng Shawn viết tràn ngập cả một trang giấy, nói rằng rất thích tôi, biết tôi cô đơn, lạc loài ở xứ lạ, và muốn nghe thêm về tôi, về Việt Nam. Nàng còn vẽ chữ Love thật to trước khi ký tên. Chữ Love này có mãnh lực ghê gớm lắm. Con trai nghe chữ Love thường không nghĩ đến những tình cảm êm đềm từ trái tim của nàng dành cho mình, không tưởng tượng cảnh đi bên nhau ngoài bãi biển như con gái, mà chỉ nghĩ đến cảnh hôn hít, nắm tay nắm chân, sờ mó bậy bạ, ở bụi cây hay đằng sau ghế xe. Mới thấy chữ Love của Shawn, tôi liền nghĩ tới cảnh lái xe đậu chỗ nào tối tối để hành sự. Rồi tôi tự cảm thấy xấu hổ, khi nhìn Shawn chăm chú đọc mấy hàng chữ tôi viết cho nàng. Shawn nói cảm ơn tôi đã dành cho nàng mấy dòng chữ khích lệ và

thân ái nhất, mà không có ai khác trong lớp viết cho nàng. Tôi viết khen nàng tính tình thành thật, có tinh thần độc lập, có ý tưởng cao, và có sắc đẹp. Tôi không thể viết nhiều hơn vì vốn liếng ngôn ngữ quá nghèo nàn. Thật sự thì Shawn cũng đẹp vừa vừa thôi, ngực hơi lép, mà hông lại hơi to cho khó người. Được cái Shawn có gương mặt trắng hồng sáng sủa, đôi mắt nâu trong sáng nhân từ, và hay nghiêng nghiêng mái tóc vàng mượt, với nụ cười xã giao. Các cá tính kia thì tôi tin là rất đúng về nàng. Từ lúc ký lưu niệm ấy, chúng tôi hay nói chuyện với nhau hơn. Thật sự thì Shawn nói nhiều, còn tôi thường cười mỉm chi, trả lời những câu ngắn gọn, góp chuyện.

Vì nghĩ tới nàng Shawn mà đêm giao thừa lạnh gần 0 độ đó, tôi bèn chôn đi ra đi vô phòng vệ sinh cả chục lần, để soi gương ngắm nghía cái vẻ đẹp trai tơi của mình. Nhà Shawn ở cách nhà tôi ba khu phố, đi bộ chừng mười phút là tới. Tôi định đêm nay khi bị đuổi ra khỏi nhà, theo tục lệ cổ truyền của gia đình, tôi sẽ lượn qua nhà nàng chút xíu rồi lượn về. Chỉ có thể thôi mà tôi mất nửa tiếng đồng hồ lựa quần áo. Tôi chọn áo ấm màu xanh biển đậm có thêu phù hiệu trường đại học Penn State; chiếc áo đó tôi mua vào mùa hè qua, nhân dịp được trường mời tới dự thi lấy học bổng. Tôi mặc quần jeans trắng và khoác thêm cái áo vét nâu có vá hai miếng ở khuỷu tay, cho đúng một trí thức thời thượng lúc ấy. Chưa hết, tôi còn thêm cái khăn trắng quàng cổ.

Còn chừng mười lăm phút nữa tới giao thừa, mẹ tôi ở dưới nhà gọi vọng lên phòng ngủ của hai anh em tôi. Chú Đức, chú Vinh, chú Tùng, chú Thuận và bác Châu đang bàn cãi gì đó ở bàn ăn, thỉnh thoảng tôi nghe văng lên các từ ngữ quen thuộc như “thằng Thiệu,” “bàn tay lông lá,” “thằng cha Hồ Chí Minh,” “lão Mao,” kèm giữa những tiếng chửi thề kéo dài. Mẹ tôi lúc ấy

chắc không ngờ thằng con trai cả của bà đang trang điểm sắc đẹp trong phòng vệ sinh.

Nghe mẹ kêu, tôi lật đật bước ra, vào phòng ngủ lấy áo lạnh và nón tôi mới mua ở chợ bán đồ cũ. Mấy tuần trước đó, xem phim cũ trắng đen, thấy Humphrey Bogart ngầu quá mức, tôi liền quyết kiếm cho được một cái áo lạnh đen dài xuống quá đầu gối và cái nón nỉ đen, y hệt như của Bogart. Mấy người dưới nhà đang tiên đoán ngày nào họ sẽ về lại Việt Nam, rồi chợt yên lặng khi nghe tiếng tôi bước xuống bậc thang. Tôi cũng hồi hộp quá mức, có cảm tưởng mình là nàng Scarlett trong phim “Cuốn Theo Chiều Gió” đang bước xuống lầu để gặp chàng Rhett Butler. Áo lạnh có lẽ hơi dài, tôi nghe nó đụng vạt vào bậc thang. Mấy chú đều trở mắt nhìn tôi trong áo lạnh dài luộm thuộm và nón đen ngòm. Xuống tới bậc thang cuối cùng, tôi nghe tiếng chú Thuận cười ré lên.

“Thằng Đạt hôm nay nó làm cái trò gì vậy bà?” Chú Thuận đưa tay gỡ cái đầu tóc dài không gội của chú. “Bộ tính làm trùm mafia hả mậy?” Chú đập tay xuống đùi cười ré lên lần nữa.

“Đi xông đất chớ bộ đi đóng kịch hay sao mà mày ăn bận kỳ cục vậy hả?” mẹ tôi la lên. Thấy tôi không trả lời, mẹ quay qua với mấy chú kia. “Đó, mấy chú không có gia đình thì mấy chú rên cô đơn lạnh lẽo, gà trống ở chung với gà trống chán quá. Còn có con như tôi thì như vậy đó, có sướng gì hơn. Con tới tuổi ngựa chững thì cũng không làm gì nổi nó. Khi không ăn mặc như cái lương để đi xông đất. Chắc ông tưởng ông ghê gớm lắm à.”

“Nó mặc sao kệ nó, hồi nhỏ tui cũng vậy,” bác Châu lên tiếng bênh tôi. Trên

đời này mấy ai hiểu nổi tâm trạng bất thường của tôi.

“Trời lạnh, phải mặc vậy mới ấm.” Tôi trả lời tỉnh bơ, rồi đi lấy giày, tránh đám người lớn trong bếp. Ra tới phòng khách, thấy thằng em đang bịt miệng cười, tôi đưa tay xô nó một cái, cho nó té xuống sofa chơi. Tôi còn hăm, “Mày lộn xộn tao mét má mày mua cái băng nhạc của tụi Kiss đó nghe không.” Tuy chỉ thấy tụi Kiss chơi nhạc heavy metal trên TV có một lần, mẹ lại ghét vô cùng cái đám “ăn mặc như ma quỷ” ấy.

“Mày đi tới đầu đường rồi về là vừa, nghe Đạt,” mẹ dặn. “Chừng mười phút thôi, đừng đi lâu quá.”

“Anh Đạt xịt nước hoa, hơi thấy mờ,” thằng em tôi vừa bịt mũi vừa la lên, lăm lét đề phòng cú đâm bất ngờ của tôi, khi tôi bước gần tới cửa.

Ra tới ngoài đường tôi hít mạnh một cái, rồi nhắm hướng nhà Shawn mà đi tới. Lần đầu tiên tôi đến nhà nàng là vào hồi đầu mùa hè vừa qua. Chúng tôi vừa được nghỉ học, ở dưới phố Pittsburgh họ có tổ chức một hội chợ nghệ thuật. Năm nào họ cũng triển lãm tranh ảnh, đồ nghệ thuật, và trình diễn âm nhạc đủ loại, kéo dài suốt cả tuần tại công viên lớn nhất. Shawn rủ tôi đi xem. Tôi chịu liền.

Không biết nghĩ sao lúc ấy, tôi xuống phố, đến một tiệm bán quần áo vét sang trọng nhất, tìm một bộ đồ để đi chơi với nàng. Không biết gì cả, tôi kể lể sự tình cho ông già bán hàng, nói tôi muốn mua một áo vét mặc hợp với bất cứ loại quần nào, và bị ông gạ mua một áo vét xanh lá cây lấp lánh kim tuyến. Lúc tính tiền xong ông già còn nheo mắt chúc tôi may mắn với nàng.

Lúc đó tôi bị mê hoặc, tưởng mình là hoàng tử đẹp trai nhất phố, hí hửng cầm áo vét xanh lá cây về giấu trong tủ, đêm đêm mang ra mặc thử với quần jeans, rồi quần tây. Lúc đó tôi thấy tôi đẹp trai và đàn ông vô cùng.

Buổi sáng ngày hẹn, mẹ cho tôi mượn xe Mustang đỏ lái tới nhà nàng. Mới có bằng lái xe, nên tôi đậu xe xa xa nhà Shawn, sợ tới trước cửa nhà, để nàng thấy tôi lùi tiến nhiều lần mới đậu được chiếc xe thì quê thấy mò. Hôm đó tôi mặc áo vét xanh kim tuyến, cà vạt đỏ và quần jeans xanh, như ông già đã chỉ cho tôi. Trông tôi lúc đó chắc chói mắt không thua gì một salesman chuyên ga gắm bán xe hơi cũ. Shawn ra đón tôi trong bộ áo vàng nhạt với váy trắng, đẹp như thiên thần ở thương xá trong mùa Giáng Sinh. Nàng mời tôi vào nhà gặp cha dượng. Tôi nghe tim gõ bịch bịch như đang xem phim ma. Tôi cứ tưởng lái xe tới để kéo nàng đi thôi, chứ đâu biết tục lệ dating có cái màn diện kiến cha mẹ đằng gái.

Ba má Shawn ly dị nhau. Shawn ở với mẹ và dượng, giống như tôi, với hai đứa em gái cùng mẹ khác cha, và một con chó lông mịn vàng tên là Omar. Cha ruột của nàng ở Portland với một người đàn bà khác. Hôm ấy mẹ của nàng đã đi làm. Cha dượng của Shawn to lớn, râu ria tùm lum, và làm ở hãng thép dưới bờ sông. Ông không nói nhiều, chỉ hỏi tên, rồi chúc đi vui vẻ và dặn về nhà trước 9 giờ tối.

Lúc đi dạo ở dưới phố, tôi ngó đó đây chứ không dám nhìn thẳng vào mặt nàng. Thình thoảng bất ngờ chạm vai, tôi liền tách xa như sợ bị dính vào Shawn. Mỗi lần thấy ai nhìn cái cà vạt đỏ nấp sau áo xanh kim tuyến, tôi có cảm tưởng cà vạt của tôi to như lá chuối và dài quá đùng quần của tôi. Ngượng nghịu vậy mà tôi cũng nói chuyện về âm nhạc và tranh ảnh với

Shawn. Shawn có kiến thức nhiều về hai môn đó, mà tôi thì chỉ biết lỏm bỏm lại dốt tiếng Anh, thành thử cũng rán nghe đến nóng cả óc, đổ hai cái lỗ tai. Thỉnh thoảng tôi cố gắng chứng tỏ mình cũng hiểu biết, như khi Shawn nói về nhạc jazz, tôi chen ngay vào là tôi thích sự sterilization của nó. Nàng nhìn tôi kinh ngạc, làm tôi giật mình. Ý tôi muốn nói là improvisation, tức là sự sáng tác ngay trong lúc nhạc sĩ đang chơi nhạc, thế mà miệng tôi lắp bắp, lạng quạng nói đến chữ sát trùng, khiến nàng nhìn tôi chằm chằm chẳng hiểu gì cả, làm tôi quê một cục.

Thế cũng chưa hết. Lúc mua mỗi đĩa một ly trái cây, khi đưa ly cho nàng, tôi lúng túng như sợ đụng phải mấy ngón tay thon dài của Shawn, thả ly khi nàng chưa kịp cầm, để nó rớt ụp xuống đất, văng nước lên quần tôi và vớ nàng. Tôi lật đặt cầm ly nhựa lên, ngấm nghĩa mấy miếng dâu còn sót lại. Liếc nhìn người bán hàng, tôi thấy bà lắc đầu thờ dài. Tôi chưa kịp nói gì, thì bà ta đưa cho tôi một ly mới đầy, không tính tiền. Tôi ngập ngừng nói cảm ơn, trong khi Shawn bình thản ngoái xe cô chạy qua lại. Ăn xong ly trái cây, tôi nghe Shawn kể cha mẹ nàng gốc Ái Nhĩ Lan, mỗi năm nàng sống hai tháng hè với cha ở Portland, và nàng ước mơ sẽ trở thành họa sĩ sau này. Hôm đó chúng tôi đi xem tranh, nghe nhạc của Philip Glass, rồi đi ăn tối ở một nhà hàng Ý.

Chúng tôi về nhà đúng giờ. Lúc đưa Shawn đến cửa, tôi lo lắng không biết có phải hôn nàng hay không. Tôi muốn làm lơ vụ hôn, nhưng sợ Shawn chê mình không đàn ông, nên càng run hơn, tim sợ ma đập bịch bịch, mà miệng thì nín khe như không có chuyện gì. Cả ngày đi quanh quẩn ở dưới phố, nhiều lần tôi có nghĩ đến chuyện hôn đôi môi hồng nhật của Shawn. Vậy mà bây giờ sắp tới màn kết thúc, tôi lại sợ hôn nàng. Bước lên những bậc thang

sau lưng Shawn, tôi thọc tay trong túi quần, cố ra vẻ bình thường, như là tôi từng có kinh nghiệm đưa bồ về nhà. Đến trước cửa, Shawn quay lại nhìn tôi, nói cảm ơn là đã cho nàng một ngày vui vẻ. Tôi chưa kịp nói lại gì, thì nàng vội chồm tới hôn mạnh vào môi tôi, thật nhanh rồi buông ra. Tôi vừa cảm cái mềm của môi thì mặt nàng đã xa mấy tấc. Té ra hôn môi chỉ có vậy! Tôi nghe nói hôn phải thè lưỡi ra để lục lọi tùm lum. Thế mà chưa có gì thì mọi chuyện đã xong. Tôi đứng ngớ ngẩn, tay chân cứng ngắc trong bộ đồ bán xe xanh và đỏ. Shawn mỉm cười rồi mở cửa bước vào nhà. Đợi nàng đóng cửa xong xuôi hết tôi mới thở ra, uốn éo cổ mấy cái, bẻ xương tay kêu răng rắc, cho xì bớt cơn sợ. Trước khi bước xuống bậc thang, tôi chợt thấy hai bộ mặt của hai cô em gái Shawn đằng sau màn cửa sổ. Thế nào hai đứa quỷ đó cũng cười tôi một trận cho đã đời.

Đến đầu khu phố nhà Shawn, tôi xem đồng hồ ẩn dưới lớp găng tay bằng da. Còn năm phút nữa là đúng nửa đêm. Mẹ tôi, bác và mấy chú chắc đang nóng ruột đợi giao thừa. Năm nay chúng tôi cũng ăn bò nhúng dấm, có thêm một nồi cháo vịt. Ngày hôm sau ai cũng đi làm ca chiều, thành thử họ có thể đón giao thừa cho tới ba, bốn giờ sáng, xong ngủ tới một giờ trưa mới thức dậy để đi làm. Riêng tôi, tôi phải ngủ sớm hơn và phải đi học lúc bảy giờ sáng như bình thường.

Còn cách nhà Shawn mấy căn, tôi mới bắt đầu cảm thấy cái lạnh len lỏi qua khăn choàng và thấm vào ngực. Gió lạnh thổi tốc lên lớp tuyết mới rớt sáng nay, tạt vào mặt tôi. Không khí trong trẻo, lạnh căm chà mạnh vào da mặt, làm cho tôi tỉnh thoảng thấy rât ở gò má. Tôi đưa tay ôm nón, sợ gió thổi nó bay. Thấy dưới lớp tuyết là băng đá, tôi đi chậm lại, dò từng bước một, như trẻ con mới biết đi. Tôi lúc đó không còn là một Bogart lạnh lùng như

đá cục nữa, mà trở thành một thanh tra Pink Panther lụng thụng trong bộ đồ thùng thình.

Đến trước nhà Shawn tôi dừng lại, nghĩ ngợi tìm lý do đã đưa mình đến nơi đây. Tôi chỉ muốn băng ngang qua nhà nàng thôi, mà thật tình tôi cũng hy vọng thấy được nàng. Bên trong nhà còn bật đèn. Phải chi bắt chợt Shawn mở cửa, dẫn con chó Omar ra cho nó tè, để tôi được thấy mặt nàng. Hay mẹ Shawn bất ngờ bị ho cảm, sai nàng mở cửa đi mua thuốc cho bà. Thọc tay trong túi áo rộng tôi yên lặng đứng trước bậc thang dẫn lên nhà nàng. Tôi nghe chó sủa ở đâu đó, nhưng tuyệt nhiên không có con chó nào trong nhà nàng chạy ra. Nhìn lên cửa sổ ở phòng Shawn, thấy đèn còn sáng tôi bỗng muốn gọi lớn. Nghĩ lại, tôi cúi xuống, vò viên một trái banh tuyết vừa lòng tay, tính ném mạnh đến cửa sổ. Đứng chần chờ mấy giây tôi lại thôi, quay người và ném mạnh banh tuyết vào cột điện ở bên kia đường. Tôi ném trật, và banh bẻ tan trên kiếng một chiếc xe cạnh cột điện.

Đang loay hoay không biết nên đứng thêm bao lâu nữa, tôi chợt thấy có hai ngọn đèn xe từ đầu đường tiến lại. Như một con vật say rượu, chiếc xe lạng qua lạng lại, để đôi mắt vàng khè mờ ảo lao chao trong lòng đường. Đôi mắt vàng cam tiến tới từ từ và dừng lại bên lề đường cạnh tôi. Nhìn vào trong xe tôi nhận ra người lái xe là cha dượng của Shawn. Ông lùi xe vào bãi trống trước nhà, dường như không thấy tôi. Tôi tính bỏ đi, nhưng ông đã bước ra và nhận ra tôi.

“Ê! Bogie, đi đâu vậy?” ông kêu lớn, tay lắc mạnh hộp đựng đồ ăn.

“Hi, Mr. Bacon,” tôi nói, quay hẳn người nhìn ông ta.

“Ah! Thì ra là you.” Không đợi tôi nói, ông mời, “Vô nhà uống bia nhé, tên đàn ông trẻ tuổi.”

Miệng ông nồng mùi rượu. Chắc ông ra khỏi xưởng lúc mười một giờ đêm, chui vào một quán rượu quen thuộc nào đó, rồi bây giờ mới về. Đàn ông lao động ở đây có thói quen uống bia rượu mỗi ngày sau khi đi làm. Họ vào trong bar, la ó cho hết bức bối với đám bạn bè, xong về nhà ngủ với vợ. Ông Bacon quàng tay qua vai và lôi tôi vào nhà với ông. Tôi nói tôi phải về nhà, nhưng chỉ nghe ông hát hò một bản nhạc gì đó, chứ không trả lời. Ông vừa bước lên bậc gỗ, có người lật đặt mở khóa.

Cửa mở, tôi thấy Shawn mặc áo choàng ngủ màu vàng, cổ tròn, đi đôi dép lông nâu sồn mép. “Hi, Shawn,” tôi chào.

“Coi nè Shawn,” ông già dựng lôi tôi vào nhà, “tao lượm được cái này ở trước cửa nhà mình.”

Shawn nhăn mặt. “Rồi, lại say rượu nữa. Frank, đi rửa mặt, rồi đi ngủ. Má đã ngủ.” Không đợi ông nói thêm, Shawn cầm cái hộp thiếc đựng đồ ăn trên tay dựng, và nắm cánh tay ông lôi vào trong nhà.

Tôi lẻo đẻo theo vào, vừa bước đi vừa nghe ông lè nhè hát trên bậc thang dẫn lên tầng trên. Trong phòng khách đơn sơ, lờ mờ như một buổi chiều mùa đông, ngọn đèn bàn duy nhất đang tỏa ánh sáng vàng nhạt lên trên bộ ghế sofa màu nâu sẫm. Ở góc tối, tôi thấy một tủ sách nhỏ, với sách chất đầy hai kệ và một mớ báo nằm bên dưới.

“Đạt đi đâu vậy?” Shawn nhìn tôi với nụ cười hiền. Nàng đứng bên cạnh lồng đèn bàn, để ánh đèn vàng nhạt hắt lên gương mặt mệt mỏi, có vẻ thiếu ngủ.

“Đêm nay là đêm giao thừa, Tết Việt Nam,” tôi nói, đứng lại giữa phòng khách, tháo găng tay ra mà quên không lấy nón xuống. Tôi bỗng nhớ đứng thẳng vai lên, cho cao hơn một chút xiu, ngang tầm mắt Shawn.

“Ồ, vậy à!” Shawn tươi hân lên, như nghe tin vui cho riêng nàng. “Mừng năm mới! Mừng năm mới, Đạt nhé.” Mắt nàng liếc nhanh lên đầu tôi.

“Cám ơn Shawn.” Tôi cúi đầu mỉm cười, mà cúi hơi thấp, làm cho cái nón ni đen rớt xuống sàn nhà. Trong lúc cong lưng lượm nón lên, tôi liếc vội vào một tấm gương gần cửa vào bếp, để rồi thấy đầu tóc đen của tôi có hình khuôn tròn bên trên lỗ tai, do cái nón đã ép tóc lại, như có ai đập nôi nấu com lên đầu của tôi.

“Nón này ngộ quá,” Shawn nói, trong lúc tôi lúng túng không biết nên đội nón lại, hay để cái đầu nôi com trơ trơ ra đó trước mặt nàng. Chúng tôi nhìn nhau, không nói. Shawn chột chớp mắt, vừa cười vừa cúi mặt. “Đạt đợi tí đi, tôi có cái này.” Vừa dứt câu Shawn quay người đi vội đến tủ sách nhỏ trong góc tối.

Tôi đứng yên nhìn những bậc thang lót nệm nâu đậm đã sờn rách. Tiếng ói của người cha dưỡng chột vang lên từ phòng vệ sinh trên lầu, rồi tiếng giạt nước. Shawn bước nhẹ trở lại, tay cầm một quyển sách bìa cứng, xanh đậm. Tiếng gõ khô bên dưới lớp thảm rên ken két theo bước chân nàng.

“Tặng Đạt tập sách này, mừng năm mới,” Shawn trao sách trước mặt tôi. Nụ cười hiện trên môi nàng lại nở, như một món quà tặng kèm theo cuốn sách.

“Tender Is The Night của Fitzgerald,” tôi vừa reo tên tựa sách vừa kẹp nón vào vách. Cầm quyển sách trong tay, tôi ngồi đại xuống một đầu ghế sofa, vồn vã lật vài trang đầu, mãi mê xem những hàng chữ bên trong. Mùi giấy sách lúc nào cũng quyến rũ tôi vô cùng.

“Truyện này hay lắm, mới đọc xong. Hy vọng Đạt sẽ thích.” Shawn ngồi xuống ở đầu ghế bên kia, co chân để cho hai chiếc dép lông rơi xuống thảm.

“Cám ơn Shawn,” tôi vui vẻ nói, tiếp tục lật xem mấy trang sách, không để ý đến nàng.

Vài tuần trước đó, ở trong lớp học chúng tôi đã được đọc The Great Gatsby, cũng của Fitzgerald. Đó là lần đầu tiên tôi đọc hết một tiểu thuyết tiếng Anh mà lại thích và hiểu. Tôi coi sơ vài đoạn đối thoại ở mấy chương trong, rồi nghiền ngẫm đọc tiểu sử của tác giả ở trang cuối. Đang đọc đoạn nói về tật nghiện rượu của Fitzgerald, tôi chợt ngẩng lên nhìn Shawn.

Nàng đang dựa đầu vào ghế, mắt nhắm lại và sắp ngủ gục. Tôi bối rối gấp sách lại và không ngờ mình đã vô tâm đến như thế. Tôi tính đang hắng, gây tiếng động cho nàng tỉnh giấc, Shawn bỗng ngửa cổ ra đằng sau, miệng há to, để tiếng thở khò khè đều đặn thoát ra từ trong cổ họng. Tôi nuốt nước bọt, khẽ hừm một cái, nàng không động đậy. Tôi liền hừm lớn hơn, nàng vẫn ngủ say.

Ngồi yên thêm một phút, tôi nghĩ đến cách khác: tôi nhúng nhúng đôi mông xuống ghế sofa, đè mấy cái lò xo, gây ra những tiếng kẽo kẹt đập dinh. Thấy nàng vẫn không động dậy, tôi nhúng mạnh hơn, làm cho một chân của nàng rớt thông xuống sàn, người cũng đập dinh theo nhịp. Vậy mà Shawn vẫn không mở mắt. Tôi định lấy tay lay nàng dậy, nhưng nghĩ thôi, để cho Shawn được ngủ yên giấc. Thấy tấm khăn phủ ghế ở bên cạnh, tôi đứng dậy, cầm và đắp nó lên người Shawn, che từ cổ xuống đến đôi chân. Nàng nằm yên, mắt khép kín, miệng vẫn há to và thở đều đều. Kẹp quyển sách vào bên trong áo lạnh, tôi đội nón, lật đật về với gia đình đang mong đợi đêm giao thừa.

Êm dịu, tôi thầm nghĩ khi nhìn Shawn ngủ lần cuối, trước khi khép cánh cửa lại và bước hẳn ra ngoài. Gió vẫn thổi tuyết bay đó đây, không khí lạnh sắt se hơn ban nãy. Tôi cúi đầu tránh gió, bước vội về nhà, trong người nghe nóng lạ lùng, mồ hôi đang rịn ra khắp cơ thể. Phút gần Shawn vừa qua, tôi đã không có ý nghĩ tình dục nào trong đầu, mà chỉ mong nàng thức giấc để nói với tôi một câu. Nhớ tới Shawn tôi chợt muốn cười. Nàng lúc nào cũng tự nhiên, từ tốn, khác hẳn tôi lúng túng, vụng về. Lớp tuyết trắng dưới chân mịn và êm. Đang cúi đầu vui với những giọt mồ hôi nóng trong người, tôi nghe có tiếng kèn xe từ đầu đường dội tới. Tôi nhận ra chiếc xe của bác Châu, vì nó chỉ còn một đèn sáng, đèn kia đã bị bể khi xe lùi vào cột điện trên đường đá trơn trượt. Xe vừa đến bên cạnh tôi, bác quay cửa kiếng xuống, thò đầu đội nón len đỏ ra ngoài. Ở ghế bên cạnh, chú Thuận nhìn tôi, rồi nhe răng cười.

“Đi đâu nãy giờ hả mậy, để má mày chờ muốn chết?” bác la lên giữa con đường vắng lặng.

Tôi tính giải thích này nọ, chợt gió thổi bay cái nón xuống đường. Tôi dợm chân muốn bước đi chụp nón lại, nhưng không kịp. Tôi đứng yên nhìn theo luồng gió lớn. Nón trôi ra giữa đường, lăn xuống gầm một chiếc xe, rồi chui ra, tung bay xuống con đường dốc. Tôi quay lại, bắt gặp bác và chú cũng đang nhìn theo chiếc nón. Tôi chợt cảm thấy hình như mình đã sống giây phút này ở đâu rồi, có lẽ trong một giấc mơ nào đó trước đây.

“Hồi trước tao cũng có một cái nón như vậy,” chú Thuận nói, rồi cười.

“Thôi, vô xe đi mày, về nhà thế nào bà già cũng đưa cho mày một tặng.”

Thấy tôi về, mẹ tính la mắng câu, nhưng nghĩ sao bà chỉ bảo tôi ngồi xuống cùng ăn với mọi người. Có lẽ mẹ sợ rầy la đầu năm sẽ làm cho cả năm không hên. Còn bác vui vẻ rót rượu đào Nhật Bản mời cả nhà cùng uống. Đó là lần đầu tiên tôi uống rượu. Gần hai giờ sáng, trong cơn say ấm nồng, tôi nằm yên trên giường và nghĩ đến Shawn. Sáng hôm sau tôi đau đầu, nhưng cũng rán dậy đi học. Đến trường tôi không gặp Shawn, không hiểu vì nàng đã nghỉ học hay vì chúng tôi học khác lớp suốt ngày.

Shawn và tôi còn gặp nhau vài lần sau đó, thỉnh thoảng ở công viên, đôi khi ở quán ăn nhỏ. Shawn nói nhiều hơn tôi, về nghệ thuật, văn hóa và nhất là chính trị, toàn là những đề tài mà ở tuổi mười bảy lẽ ra chúng tôi không cần phải quan tâm tới. Shawn hay nói với nhiệt tình về tư tưởng cộng sản mà nàng tìm thấy trong các cuốn sách ít học sinh nào sờ tới ở thư viện. Tôi thỉnh thoảng nhắc chuyện thân nhân vượt biên tìm tự do, còn sống hay đã chết cũng chưa biết, và chúng tôi xem sự khác biệt giữa hai người như một nét đặc biệt nào đó trên cơ thể, như tôi người mỏng, môi hơi dày, Shawn ngực

lép, mông hơi rộng, thể thôi.

Đến mùa hè, Shawn học nhảy một lớp, nên ra trường sớm hơn tôi một năm. Shawn cho tôi biết nàng sẽ sống với cha ở Portland, Oregon. Chúng tôi liên lạc với nhau được mấy lá thư rồi ngưng hẳn khi mùa hè chấm dứt. Trong lá thư cuối cùng Shawn nói sẽ xuống Los Angeles để học vẽ.

Cũng từ năm đó cuộc đời tôi bắt đầu thay đổi nhiều hơn, có lẽ tại đêm giao thừa tôi xông đất không còn may mắn như những năm trước. Việc làm của mẹ và bác bắt đầu bấp bênh, tháng làm tháng nghỉ không nhất định. Người địa phương mất việc, phi bóng người Nhật cạnh tranh bán thép và giật mất sự thịnh vượng kinh tế. Họ trút cơn bực bội xuống đám người Á Đông lẻ tẻ trong vùng như chúng tôi. Phụ với mẹ, tôi đi làm bồi bàn mỗi đêm và làm quen với bia, rượu. Năm cuối cùng trung học, từ một trong ba học sinh ưu tú nhất trường, tôi tụt dần trên danh sách “top ten.” Rồi tôi vào trường Penn State, chấp nhận đi học như mọi người, vì thật sự chưa biết làm gì khác hơn lúc bấy giờ.

Qua mười mấy giao thừa, cuộc đời tôi đã khác đi. Tôi bây giờ có vợ con đàn ông, lớn cái đầu và không bị mẹ đuổi ra ngoài để xông đất như mười mấy năm trước. Tôi để lại mẹ ở thành phố Pittsburgh tối xóm, để đi học xa, để đi làm đủ thứ nghề, kể cả việc dạy trẻ, chạy máy hóa học, viết báo, làm cán sự xã hội, đánh máy mướn. Tôi lang thang đó đây, ban đầu vì thích thay đổi không khí, dần dần về sau vì hoàn cảnh, có khi ăn ngủ ở những ngôi nhà sang trọng bậc nhất của bạn bè và có đêm ngủ một mình trong xe ở bãi vắng, bị cảnh sát chiếu đèn pha và đuổi đi chỗ khác chơi. Nay tôi trôi dạt về San Diego được mấy tháng, tự hứa sẽ ổn định ở nơi đây, ao ước được sống vui

với vợ con, ngày thường đi làm, thứ Bảy đi chợ kiếm đồ sale, Chủ Nhật nằm sofa uống bia xem football, như người Mỹ thứ thiệt.

Cuộc đời của những người xưa cũng thay đổi, sau mười mấy giao thừa. Em tôi vẫn ở với mẹ và làm dăm ba việc ở dưới phố. Có lần gây gổ với đồng nghiệp, nó bị cảnh sát bắt. Hai người bạn cùng sở với mẹ đã rời Pittsburgh từ lâu. Khoảng năm 1987 hay 1988 gì đó, tôi gặp chú Vinh ở đường Bolsa, Nam California. Lúc đó chú có mặt trong một đám đông đứng bao vây một tiệm chuyên bán vé máy bay về Việt Nam. Chú cầm loa kêu gọi bà con tẩy chay bọn kinh tài cho Việt Cộng. Thấy tôi, chú đưa loa cho người khác, chạy lại bắt tay, quàng vai tôi. “Mẹ, mày gầy quá, nhóc con,” chú nói, rồi rủ tôi đến Phở Hòa ăn phở ngẫu pín với chú.

Còn chú Đức đoàn tụ với vợ con ở Houston, Texas, mở văn phòng đại diện luật sư, rồi lẳng nhăng làm sao đó, bị vợ bỏ sống một mình. Mỗi dịp Giáng Sinh chú Đức vẫn gửi thiệp về thăm mẹ tôi. Còn chú Tùng hay hát nhạc Trịnh Công Sơn, lấy được bằng kỹ sư, liền qua San Jose kiếm việc. Tôi nghe nói bây giờ chú có văn phòng bán bảo hiểm và đang dự định ra một băng nhạc hát chung với mấy ca sĩ nổi tiếng.

Cuộc đời của chú Thuận trôi dạt như rác, mất tích ở một nơi nào đó. Chú có ông anh tên là Toàn. Chú Toàn vượt biển với vợ con. Vợ con chết hết ở vịnh Thái Lan. Chú Toàn sống sót, dò hỏi sao đó mà cuối cùng tìm được địa chỉ nhà thờ bảo trợ chú Thuận và xin họ bảo trợ. Ngày đón anh ở phi trường Pittsburgh, chú Thuận đứng ngồi không yên, mặt mày xanh lè, không nói chuyện với mấy người đại diện nhà thờ bảo trợ. Bác Châu kể lại ông không rõ chuyện gì mà lúc xuống máy bay, vừa thấy chú Thuận, chú Toàn liền

vung tay tát em một cái thật mạnh, làm mấy người từ nhà thờ nhón nháo cả lên, hỏi bác Châu thế này là cái quái gì, người Việt tị bay đoàn tụ như thế này hả.

Tôi không có mặt ở đó, nhưng tôi biết trên đường về nhà không khí trong xe chắc là căng thẳng và dài lăm. Thả xong đám người tị nạn, mấy người Mỹ thế nào cũng dọt xe đi cho lẹ. Gặp chú Toàn, tôi nghe chú kể tội chú Thuận trốn trách nhiệm, không liên lạc với gia đình, cũng không gởi tiền về cho thân nhân trong những lúc cơ cực nhất sau năm 1975. Sau đó, chú Toàn còn mắng em là đã đến Mỹ từ lâu mà không gây dựng được gì như mấy người khác, chỉ biết uống rượu và sống như một con chó hoang.

Hai tháng sau ngày gặp lại anh, chú Thuận bỏ việc làm, trốn đi âm thầm, không biết đi đâu. Mấy tháng sau, hãng xe buýt Greyhound từ Kansas City có gởi cho gia đình tôi một hộp giấy đựng cái ví của chú Thuận. Chú ấy không biết lái xe. Có lẽ khi đi xe buýt, chú để quên bóp trên xe, và hãng xe cứ dựa theo địa chỉ của nhà tôi trên giấy tờ của chú mà gửi về Pittsburgh. Chú Toàn bây giờ đã lập lại gia đình, làm chủ một tiệm 7-Eleven gần quán ăn Tàu của bác Châu.

Bác Châu được đoàn tụ với gia đình. Lúc đó tôi mới biết bác có ít nhất năm người con. Gia đình bác mua nhà cách mẹ tôi khoảng nửa dặm. Bác dành dụm tiền mua lại một nhà hàng Tàu hạng trung, đưa hết vợ con ra chạy bàn và nấu trong bếp. Sau hai năm mở tiệm bác qua đời vì ung thư gan. Bác đang khỏe mạnh, làm việc từ sáu giờ sáng đến mười một giờ đêm, bỗng một hôm kêu đau quá trong bụng. Ở nhà thương, bác sĩ bảo bác bị ung thư gan ở giai đoạn chót, không thể làm gì được nữa. Một tuần lễ sau bác qua đời. Vợ bác mời một Thượng Tọa từ Nam California đến làm lễ an táng. Mộ bác

nằm ở một sườn đồi, chơ vơ giữa hàng trăm ngôi mộ xa lạ của những người Mỹ chung quanh, cách nhà chúng tôi hơn hai mươi dặm.

Còn Shawn, qua mười mấy giao thừa, cũng vẫn là cô con gái qua lời kể bằng tiếng Mỹ của mẹ nàng. Đêm giao thừa năm rồi, nửa đêm tôi gọi về Pittsburgh, bị bà la cho một mách, vừa mắng vừa khắc đòn, nói đã ba giờ sáng ở miền đông. Tôi xin lỗi, nói là quên giờ đông tây khác nhau ba tiếng đồng hồ. Nghe hỏi về Shawn, bà kể cô con gái lớn hết dạy Anh ngữ ở El Salvador dưới Trung Mỹ Châu, và bây giờ Shawn đang ở Ethiopia để cứu người Phi Châu chết đói.

Kể đến đó bà cười, nói lúc trước Shawn là thành viên của hội bảo vệ cá voi, cú rừng, nay nàng đi cứu người chết đói. Bà nói phải chi Shawn ngừng lang thang đó đây để về lo cho mẹ đang bị bệnh trong một khu phố tàn. Bà bây giờ sống một mình, ông chồng thất nghiệp đã bỏ đi từ lâu, trốn chạy trách nhiệm làm cha. Hai cô con gái đã sống riêng, cũng vướng nhiều trách nhiệm gia đình, không thể lo cho bà được. Bà chỉ mong Shawn trở về với mẹ.

Qua bấy nhiêu giao thừa, tôi vẫn giữ cuốn *Tender Is The Night*, cất giữ trong đồng sách lưu trữ ngày một nhiều của tôi. Tôi vẫn nhớ chiếc nón non dại của tuổi trẻ bay biến vào mưa tuyết năm nào, bỏ lại mái tóc trần xanh không che đây, để thời gian dần dần quệt phết những sợi bạc mỏng manh.

Đêm giao thừa này tôi không còn bị “đuổi” ra ngoài đường, cũng không nôn nao đi tìm sự êm dịu ở bên ngoài đêm đen. Quanh tôi, ở nụ cười của con, của vợ, và của chính mình, tôi tìm thấy sự êm dịu trong tâm hồn, sự êm dịu cho đêm giao thừa và cho những ngày sau đó, những ngày nắng ấm mà tôi

hằng đi tìm từ một miền tuyết lạnh xa xôi trong kỷ niệm.

Hoàng Mai Đạt

Mùa Xuân 1993

**Hoàng Mai Đạt**

**Những giọt mồ hôi mùa đông**

Đạp đạp đạp.

Mấy bữa nay trời lạnh, mây mưa giăng kín bầu trời. Mưa ở Nam California rất hiếm, hiếm như gặp một ông cộng sản không biết nói xạo hoặc một bà ca sĩ chưa bao giờ bước vào thẩm mỹ viện. Vậy mà cuối tuần này mưa suốt ngày ở khu phố của người Việt Nam. Hết mưa thì trời lạnh. Con lạnh ở xứ ấm Bolsa cũng có thể buốt tái da, bắt người ta phải ở trong nhà, không thể ra vườn cắt cây, tía lá, không thể xuống bãi biển Huntington Beach câu vài con cá, hoặc chạy bộ trong công viên Miles Square Park. Không có nắng ấm, tôi ngồi co ro trong phòng, bắt đầu nghĩ ngợi, suy tư như người Bắc Âu. Mùa đông ở Bolsa không lạnh như ở Chicago, Toronto hay Paris, ngoại trừ nếu bạn phải đạp xe giữa tháng 12 hay trong tháng Giêng.

Mùa đông ba năm trước tôi đã rét lạnh trong lúc đạp xe ở ngoài đường. Rét mà thấy sung sướng vô cùng. Tôi bắt đầu đạp xe từ nhà đến sở làm trong tháng Năm. Lúc bấy giờ mùa xuân đang nở rộ, khí trời mát mẻ, mặc có ái áo

thun cụt tay mà còn thấy nóng. Nếu có bộ ngực nở nang thì tôi đã vắt áo thun từ lâu. Cái bụng to tròn, trắng ớn không giúp gì hơn cho vóc dáng trai già trên dưới bốn mươi tuổi. Trên một tờ truyền đơn mà tôi lượm đọc ở một công viên, người ta khuyến khích tôi đi xe đạp để tiết kiệm xăng, để tập thể dục và bảo vệ sức khỏe.

Hồi mới qua Mỹ tôi cũng thường đạp xe ở miền quê, không hẳn vì lý do thể thao, mà vì muốn giải tỏa sự bức bối. Tiếng Anh kém, về Việt Nam không xong, người bà con ở tiểu bang xa tít mịt mù, không muốn liên lạc, sống ở Mỹ không biết tương lai sẽ ra sao, vùng Rillton, Pennsylvania của tôi không có một đồng hương. Mỗi cuối tuần tôi phóng xe đạp lên xuống những đường dốc, quanh co lên đồi, phóng cho đến khi mệt, té lăn xuống một bãi cỏ và nằm sải tay nhìn lên bầu trời. Tôi không phải là một thể thao gia. Thế nhưng cũng có những lúc tôi đạp quá con mệt, và rồi tiếp tục đạp mà không còn thấy đau trong bắp thịt. Những lúc đó tôi có thể đạp như trong một cơn mê sảng. Vừa đau đón mà lại vừa thích thú, mê mê. Những ngày cuối tuần như vậy tôi có thể đạp xa mấy chục dặm đến một nơi hoang vắng, trước khi tìm một con đường khác để trở về nhà theo ánh nắng hoàng hôn.

Lần này tôi đạp xe vì cần có thay đổi trong những thói quen hàng ngày.

Nghe tôi năn nỉ hoài vợ mới cho đạp xe đến sở làm.

Ai cũng đi xe bốn bánh, bộ khung sao đi xe hai bánh cho một người. Nàng cản.

Bụng anh đang bành trướng, cần có biện pháp ngăn chặn ngay tức khắc, bằng không hai đứa mình ôm nhau chỉ nghe bụng với bụng, kỳ chết. Tôi nói vậy cho vợ thôi cản, chứ tôi không dám nói hết sự thật giấu trong lòng.

Sở làm của tôi là đài phát thanh thương mại ở Bolsa. Lúc đó sở đang thay đổi chế độ, có người ra người vô trong ban giám đốc. Như một cộng hòa chuối – banana republic – cứ vài năm, có khi vài tháng, sở lại có chế độ mới.

Người này trượt té, người kia đạp lên vỏ chuối, ôm nhau xoay vòng, cứ vậy mà xứ cộng hòa tiến tới. Tôi thuộc thành phần lao động trí óc, từ sáng đến chiều cày bừa chữ nghĩa trên mấy trang giấy, tối về mệt đừ, vui buồn với mấy chai bia, không có tinh thần cách mạng cho lắm. Đám lao động ở đâu cũng vậy, cũng được đỉnh cao trí tuệ vỗ vai khen thưởng và phải làm việc tới ngày. Sự thay đổi ở đây cũng còn văn minh, không thô bạo như sự thay đổi chế độ ở Việt Nam vào năm 1975. Không có ai lái xe tăng ủi sập bàn làm việc của tôi, không có đứa nào làm người hùng, chạy cắm cờ vào đồng báo trên bàn, và chờ người khác quay phim làm tài liệu, không có hình ông nào bà nào lạ hoắc mà tôi phải treo như hình cha mẹ, và cũng không ai bắt tôi phải ca tụng giả dối cho đến khi không biết đâu là giả đâu là thật.

Nhưng mà cuộc đời quyền nào cũng có vài hiện tượng tan tác giống nhau. Có những người thuộc thành phần “30 tháng Tư”, lật đật chạy theo quyền thế mới, lập công lập trạng với chủ, có những người chột khúm núm, nhón nhác o bế người có quyền hành, có những người được mặc áo sang hơn, làm ngơ bạn mặc dù hai người mới ôm vai nhau đêm trước. Và cũng có những người im lặng như một nông dân chột nghe trời gầm ở giữa đồng, lắng nghe, rồi trở lại với đất chưa cấy, với hạt chưa gieo, cặm cùi đi theo con trâu kéo cày. Tôi là người không có khiếu xã giao, thiếu khôn ngoan, không biết điều dóm, cũng không biết chạy tìm những liên minh, việc mình mình làm, lủi thủi giữa đồng để bị sét đánh, cho xe tăng ủi nát cán cày. Một ngày kia tôi khám phá một tấm bảng để gần phòng, không biết có người đã tình cờ hay cố ý vấp bảng ở đó. Bảng vẽ sơ đồ của công ty từ đỉnh cao trí tuệ, ban quảng cáo, ban kỹ thuật xuống thành phần bản cổ nông. Không hiểu sao ban thư viện cũng nằm trên bảng, mặc dù ban này không có ai, chỉ gồm mấy kệ sách và kệ nhạc. Thư viện nằm ở dưới cùng, đối sở, ngang hàng với ban tin tức của tôi. Cũng may thư viện còn có mấy cuốn tự điển, sách Phật, và kinh

thánh. Nằm cạnh mấy ngài tôi tạm được yên thân. Chỉ tiếc cho mấy từ ngữ lý tưởng mà tôi đành cất vào trong túi, thỉnh thoảng sờ xem còn hay mất. Đạp đạp đạp.

Đạp quá cơn đau, hết biết mệt.

Vợ chồng tôi đi garage sale, mua được một chiếc xe đạp thể thao còn tốt mà chỉ có mười đồng. Ban đầu anh chàng bán xe đưa giá hai chục. Tôi chịu liền. Rẻ quá so với giá bảy, tám chục cho xe mới ở tiệm. Lúc tôi đưa tiền anh chàng nói lấy mười đồng thôi, còn cảm ơn tôi đã mua xe giùm. Chiếc xe đen thùi, thuộc loại chạy đường rừng, lỗi thời so với mấy chiếc mới có thêm hệ thống ống nhúng, êm mộng.

Mỗi ngày tôi đạp xe từ sáu giờ rưỡi sáng. Đến sở làm khoảng bảy giờ. Từ nhà tôi đến sở làm cũng gần, không tới năm dặm, từ bên này qua bên kia khu phố Bolsa. Càng đạp cơ thể tôi càng rắn chắc, da sạm nắng, có điều chiều về uống bia càng thấy ngon hơn, bụng to trở lại. Mỗi buổi sáng khi mặt trời chưa ló dạng, tôi đeo túi trên vai, đạp mạnh lấy đà và phóng ra khỏi nhà xuống con đường Jennrich. Quẹo phải trên đường Bushard tôi đạp hết sức về hướng nam, ào ào băng qua đường Bolsa đánh bại đèn đỏ. Trước khi đến ngã tư McFadden, tôi lái bánh lên lề đường, chạy tắt qua một dãy nhà chung cư, vừa chạy ở một bên lề vừa chờ đường vắng xe để cắt ngang qua bên kia đường. Từ McFadden tôi quẹo phải ở ngã tư Brookhurst, vượt qua một khu thương xá, đứng trên xe cho khỏi ê mộng trong lúc bánh bị giồng trên bãi đậu hướng vào sở làm. Sau khi gác xe ở một gốc cây, tôi bước vào sở nhể nhại mồ hôi, dồi dào sinh lực và sẵn sàng cày hết mấy chục bản tin trong ngày.

Trong giờ ăn trưa tôi thường ra sân vắng đứng ngắm xe đạp. Chiếc xe nằm yên dưới gốc cây, bình thản trước sự hạnh phúc của tôi mỗi khi tôi nhìn thấy nó. Xe không biết trong mấy giờ đồng hồ qua tôi phải đọc những tin bạo

động, đổ máu, chết chóc, gian xảo, kéo dài từ ngày này qua ngày nọ ở khắp mọi nơi, không biết tôi đã học tập cải tạo tốt hay xấu, cũng không biết tôi sung sướng đến cỡ nào mỗi buổi chiều cùng xe phóng về nhà. Những buổi chiều đẹp tuyệt vời. Có những lúc vui tôi lèo lách giữa những dòng xe chờ đèn xanh ở góc Bolsa. Đèn sắp xanh tôi đã chạy ra giữa đường, qua mặt mấy chiếc xe bốn bánh. Có những khi tôi đạp sát bên lề, chạy đua với xe hơi rú ga ở trên đường. Về gần đến nhà tôi đạp bình thản, thông thả dừng trước sân như một ông công chức cù lần, không cho vợ biết tôi đã phóng xe liều lĩnh như thế nào. Thường thì tôi không thể giấu vợ. Hơi thở nóng hổi của tôi qua nụ hôn đã cho nàng biết tôi đã chạy nước rút, như sợ không thoát khỏi bàn tay của sở làm.

Đến mùa thu năm ấy thì tôi có lý do chính đáng để tiếp tục đạp xe đến sở. Con trai lớn của chúng tôi vào đại học, cần xe đi lại. Chúng tôi không có tiền để mua thêm một chiếc xe thứ ba. Vợ tôi một chiếc, con một chiếc, còn tôi chung tình với chiếc xe hai bánh đen đũi. Ngoại trừ những ngày mưa hiếm có mà vợ có thể lái xe đưa tôi đến sở, những ngày khác tôi đi xe đạp.

Tôi đã đạp xe vùn vụt vào một buổi bình minh đẹp trời giữa phố Bolsa. Đường xá vắng lặng, chỉ dăm ba chiếc xe chở những người đi làm trong một buổi sáng sắp sang thu, còn hơi ẩm của mùa hè. Vài người gốc Châu Mỹ La Tinh cũng đạp xe. Họ cúi đầu tới trước, lao tới một nơi lao động nào đó còn rất xa, không mấy chú ý đến gã Á Đông đeo kiềng cạp, đeo túi xách trên lưng. Như những ngày khác, đám đạp xe chúng tôi thường gặp nhau ở những ngã tư chờ đèn xanh. Những tia nắng cam hồng đã chấm phá những áng mây trôi về hướng Santa Ana. Trong những lúc toát mồ hôi dưới lớp áo lạnh, tôi thường hát trong miệng một bài hát nào đó, để quên sự mệt mỏi, đau nhức trên hai bắp đùi và trong buồng ngực. Buổi sáng hôm ấy tôi đã đạp đều chân theo bài hát quen thuộc “Here Comes The Sun” mà George

Harrison đã hát trong ban Beatles. Kia mặt trời lên. Mọi chuyện sẽ bình an. Bài hát vang lên trong đầu tôi trong lúc xe phóng về phía mặt trời. Một buổi sáng đẹp chưa từng thấy, tôi tưởng vậy, cho đến khi gác xe ở gốc cây và bước vào sở làm. Hai màn ảnh truyền hình trong phòng tin tức của tôi đã chiếu hình một tòa nhà bị sụp đổ tại New York. Hôm ấy là ngày 11 tháng 9 năm 2001, một ngày kinh hoàng, thê lương nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Phải chi hôm đó tôi cứ đạp xe đi miết, đến một cánh đồng, một miền núi hoặc một bãi biển nào đó, để không bao giờ biết có một ngày ghê gớm như vậy. Đạp đạp đạp.

Những bánh xe quay đều, tròn một vòng sinh tử.

Đạp xe mùa đông ở Bolsa cũng lạnh gớm. Đến tháng 12 những ngón tay của tôi tê buốt, tưởng chừng như không còn một giọt máu nóng nào ở bên trong. Tôi phải quấn khăn che cổ, mang theo một bình cà phê nóng mà tôi có thể hớp nhẹ trong lúc chờ đèn đổi màu. Những ngày đông ngán dần. Trời đã tới những lúc tôi đạp xe rời sở làm. Trên những ngả đường về đêm, tôi rượt theo ánh đèn đỏ của những chiếc xe vụt qua trước mặt, không rà thắng, quay đều chân hướng về một mái ấm nằm trên đường Jennrich. Ánh đèn vàng từ trong bếp thường chiếu ra mái hiên, chờ tôi dựng xe, hé cửa bước vào nhà.

Đài phát thanh cũng hoạt động như ty cảnh sát hoặc bệnh viện. Đài không đóng cửa nghỉ lễ, nên tôi cũng không thể nghỉ trong những dịp lễ lớn. Tôi có thể nghỉ bù vào những ngày khác. Đạp xe vào buổi sáng Giáng Sinh cho tôi một cảm giác cô độc rất thú vị. Đường phố vắng vẻ, không một bóng người. Ra khỏi khu xóm Jennrich chật cứng xe đậu hai bên lề, tôi không thấy một chiếc xe nào khác chạy trên đường. Tôi có thể đạp xe băng qua đèn đỏ ở Bolsa mà không có ai hay biết. Buổi sáng đầu năm cũng vậy, yên tĩnh như ở một nơi hoang dã.

Qua đến Tết Việt Nam thì khác. Mùa xuân về rất sớm tại Nam California.

Trong những ngày sắp đến Tết Nguyên Đán, cuối tháng Giêng hoặc đầu tháng Hai dương lịch, những góc phố thường có những nhũnng chợ hoa, trưng bày màu sắc thắm tươi. Chưa tới 7 giờ sáng mà phố xá đã có nhiều người. Họ khiêng cây cối, bánh, trái xuống phố, chuẩn bị mua bán ở những góc chợ xuân. Có những lúc tôi mải mê xem người ta bày hàng, không biết đèn đã bật xanh từ lâu mà chân còn chần chừ trên bàn đạp.

Đến cuối tháng Tư trời có thể nóng nực như mùa hè. Tôi lại mặc áo thun, đội thêm nón cho mặt đỡ bị cháy nắng theo lời dặn của vợ. Đạp xe băng qua phố Bolsa vào một buổi sáng cuối tháng Tư đã làm tôi xúc động. Tôi đã dừng xe để xem những lá cờ treo trên những cột đèn. Cờ Mỹ và cờ vàng Việt Nam Cộng Hòa được treo bên nhau trên những con đường ngang dọc khu phố. Tôi còn nhớ mười mấy năm trước muốn treo một lá cờ vàng như vậy dưới phố Bolsa không phải là chuyện dễ. Phải xin phép, phải tranh đấu, phải vận động, phải hô hào, phải biểu tình thì người tị nạn mới được treo lá cờ thân yêu của họ. Cờ vàng từng đại diện cho một nửa Việt Nam. Giờ đây lá cờ là biểu tượng cho chính nghĩa tự do, một lý tưởng mà không ai có thể cướp đi mất. Cho dù mai này phố Bolsa có thay đổi – thêm người mới đến, thêm cơ sở kinh doanh, thêm tiếng nói của những thế hệ khác – người ta vẫn nhớ phố được xây đắp bởi những người tị nạn từng tranh đấu cho lá cờ vàng. Buổi sáng cuối tháng Tư đó tôi đã ngưng đạp xe, say mê nhìn màu cờ. Hôm ấy tôi đến sớm trễ mấy phút, thế nhưng tin tức tôi tràn ngập một niềm tin, sống động trong lý tưởng phục vụ cộng đồng.

Đạp đạp đạp.

Quay tròn một niềm vui.

Qua hết mùa hè vợ ban lệnh không vui: Anh làm ơn cất xe đạp, lái xe thường giúp em. Mấy ông thợ Mỹ đang sửa nhà mình. Thấy anh trai già

hùng hồ đập xe như trai tơ, họ cười cho. Chạy lạng quạng có ngày bị xe lớn cán dẹp xác.

Lúc bấy giờ tình hình cũng có thay đổi. Chúng tôi đã có khả năng trả góp một chiếc xe khác. Một lý do chính đáng hơn nữa là chúng tôi đã bước vào nghề địa ốc. Tôi không thể đập xe chở khách đi xem nhà. Kỳ chết. Bộ tính bán nhà lá sao cha nội?

Đến nay tôi vẫn nhớ mười-tám tháng đập xe đi làm, nhất là vào mùa đông. Những giọt mồ hôi toát trong người đã giúp tôi bùng sức sống giữa một buổi sáng lạnh lẽo. Tôi nhớ chiếc xe vô cùng. Tôi bớt đập xe, bụng càng mập tròn hơn. Giờ đây tôi viện lý do muốn thấy banh ở một công viên đằng sau nhà, để có thể đập xe vào sáng sớm trước giờ đi làm. Thay vì đập xe đến công viên, thỉnh thoảng tôi phóng xuống phố Bolsa theo đường Bushard, lạng lẽ ngắm đường phố thân thuộc như lén thăm tình nhân, sau đó vòng về nhà theo đường Magnolia. Tôi bắt đầu bài tập ghi này với ý định viết về mùa đông. Vì một lý do nào đó tôi đã đập xe chạy lung tung, sắp kết thúc ở phố Bolsa. Có lẽ vì Bolsa đã trở thành một phần trong đời tôi, như chiếc xe đã đến với một kẻ muôn đời lưu lạc ở xứ người.

Hoàng Mai Đạt

**Hoàng Mai Đạt**

**Trước ở, Nay về**

Tôi bị vướng nghiệp báo, dứt hoài không ra. Kiểu như bị ép duyên phải lấy vợ dữ, thương không nổi mà bỏ thì không đành.

Trên cõi đời này có vô số việc mà tôi muốn làm, thích làm, mong được dịp làm, như leo núi Hy Mã Lạp Sơn (mấy thập niên trước), vượt rừng Amazon (hồi còn trẻ), nhảy đầm phăng-ta-dzi đủ kiểu, ném nòng qua đầu hoặc kéo nòng lòn dưới hai chân (cũng lâu rồi, hồi bụng chưa mập giống bà bầu ba tháng như bây giờ), đi tu (mong bắt đầu thực hiện trong kiếp này), chơi đàn dương cầm hoặc đàn guitar và hát như ca sĩ nhạc rock (phải đợi ít nhất đến kiếp sau để có giọng khỏe hơn, bớt thều thào như bây giờ), nấu ăn (mấy năm gần đây, hình như có liên quan đến triệu chứng mập, thèm ăn của tôi), xây nhà (thời thị trường địa ốc nở rộ, lòng tham của tôi được tái tài trợ liên miên), thám tử (từ hồi theo dõi một nhà tu để biết ông là ai), mở tiệm bán quà lưu niệm ở một phố biển (niềm ao ước vào mỗi mùa hè được lái xe dọc miền duyên hải từ California lên gần biên giới Canada), vân vân và vân vân.

Mơ tưởng nhiều nghề, nhiều sở thích, vậy mà tôi cứ quanh quẩn với nghề viết tin cũng gần hai mươi năm, dứt chưa được. Không biết tôi bám nó hay nó bám tôi.

Mỗi lần nghe tôi cảm râm chuyện chán nghề viết, vợ thường phán, “Thấy ngày nào anh cũng đọc báo, đi nghỉ hè cũng tìm báo địa phương để đọc, vậy thì hợp chứ bỏ sao được.” Ngẫm nghĩ thấy vợ nói đúng... như mọi lần. Đọc báo Việt mình chưa đủ, tôi còn liếc xem báo người ta. Rời phố Bolsa vài dặm, tôi có thể lượm vài tờ báo viết tiếng Trung Hoa, Nhật, Đại Hàn, hoặc Tây Ban Nha, và cũng lật xem mặc dù không hiểu họ viết cái gì ở bên trong.

Ngày nào không đọc báo tôi cảm thấy thiếu. Tôi đọc không hẳn vì cần biết tin tức ở mọi nơi trên trái đất, mà có lẽ vì tôi muốn tìm xem những sinh hoạt bình thường mà đôi lúc kỳ lạ của đồng loại. Phải chăng đó là tính hiếu kỳ muốn biết chuyện thiên hạ muôn thuở của con người?

Ở Bolsa có lắm chuyện được đăng trên báo dành cho người có tật tò mò như tôi, chuyện bình thường có, tào lao có, lạ kỳ có, lắm cảm cũng có, có hết. Tôi cũng đọc qua mấy chuyện đó cho biết, đọc xong rồi cố gắng... quên, không muốn lưu trữ trong bộ nhớ của trí óc chi cho mệt, chật chỗ. Không chỉ xem bài, tôi thường đọc quảng cáo mà nhất là trên mấy tờ báo lá cải.

Đăng quảng cáo trên báo lá cải ở Bolsa không tốn kém bằng đăng trên các báo thuộc “dòng chính,” nên người ta có khuynh hướng quảng bá, rêu rao đủ thứ dịch vụ trên loại báo rẻ này. Lật mấy trang chót của một tuần báo kỳ cựu ở Little Saigon hơn 20 năm, người đọc thấy báo đăng hàm bà lằng đủ loại dịch vụ xếp bên cạnh nhau mà hầu như không có liên quan gì với nhau, chẳng hạn như nối lông mi, mài da (chắc là cho phái nữ) bên cạnh thông ống cống (đương nhiên cho nhà chứ không phải cho người), quảng cáo lớp khiêu vũ sát bên quảng cáo tiệm sửa xe (hèn gì có lần tôi thấy một anh thợ máy vừa cầm mỏ lét vừa nhún nhảy dợt một vũ điệu mà chắc anh mới học), bán bảo hiểm sức khỏe bên cạnh dịch vụ trang điểm cô dâu (sau ngày lên xe hoa cặp tân hôn chắc chắn sẽ đến lúc bị căng thẳng tâm trí, hao mòn sức khỏe, cần có bảo hiểm để phòng thân), lời nguyện tạ ơn bên cạnh ủi da mặt, rao vặt cần thợ làm móng tay, rồi còn nhiều dịch vụ khác như bán nhà, bán xe, bán đàn dương cầm, xâm thẩm mỹ, coi bói (để biết xâm chỗ nào tốt trên cơ thể), giặt thảm, chăm sóc răng, lót gạch, khai thuế, chụp hình, đóng tiền thế chân

tại ngoại, và dạy nấu phở (để ăn ở nhà hoặc mở tiệm).

Một quảng cáo mà tôi thường tìm xem là quảng cáo tiệm hót tóc, chăm sóc da và làm móng tay. Trên mấy quảng cáo “beauty salon” này, thỉnh thoảng có người đăng hình để thông báo địa điểm làm việc mới của họ. Khoảng chín, mười năm về trước, quảng cáo thay đổi chỗ làm của mấy anh thợ hót tóc, mấy cô thợ làm móng tay xuất hiện khá nhiều. Tuần nào tôi cũng thấy. Sau thừa dần trong giai đoạn có nhiều quảng cáo địa ốc lần lượt hết nửa tờ báo.

Đến nay địa ốc xuống, tôi thấy lại quảng cáo thông báo thay đổi chỗ làm của những người trong nghề chăm sóc tóc và móng tay. Mấy anh thợ thường choàng cho họ những cái tên nửa Mỹ nửa Việt như Tony Lê, Johnny Nguyễn, Jimmy Ngô; mấy cô thợ cũng ôm những tên mang tinh thần hội nhập như Jackie Trần, Carol Lý, Cindy Hoàng, vân vân.

(Tất cả tên và địa điểm trong đoạn tóc, da và móng này đều hư cấu dựa trên sự thật ... 99 phần trăm, và nếu có trùng tên người hoặc trùng cơ sở thì đó là ngoài ý muốn của người viết, xin miễn thắc mắc cho đỡ phiền).

Quảng cáo thông báo đổi chỗ làm của họ thường được viết tựa tựa nhau, giống như người này bắt chước người kia, na ná như:

“Tony trước làm trong khu Bolsa Mini Mall, nay về hợp tác với XYZ Beauty Salon trong khu chợ ABC.”

“Cindy trước làm ở khu Little Saigon Chán Chết, nay về hợp tác với Đẹp Ác

Liệt Beauty Salon trong khu chợ Người Việt.”

“Johnny trước ở khu Lộn Xộn Mall, nay về làm việc ở Đàng Hoàng Beauty Salon.”

“Michelle trước làm ở tiệm Phát Ghét, nay về hợp tác với tiệm Dễ Thương.”

Đại khái vậy.

Quảng cáo thường có một bức hình khá đẹp trai của “Tony” hoặc rất gợi cảm của “Cindy” và luôn luôn kèm theo một câu xem ra rất quan trọng cho nghề nghiệp của họ:

“Cám ơn quý khách đã ủng hộ Tony Tèo trong suốt thời gian qua, nay cũng mong quý khách đến với Tony Tèo ở địa điểm mới.”

Hình như chỉ có nghề cắt tóc, chăm sóc da và móng tay mới có những quảng cáo “kéo” thân chủ về chỗ mới như vậy, không thấy mấy chuyên viên địa ốc, thợ sửa xe hoặc bác sĩ thông báo thay đổi nơi làm việc kèm với tấm hình điển trai của họ.

Chưa bao giờ thấy “Nha sĩ Robert Khỏe trước nhờ răng ở gần chợ Asia, nay về nhờ tiếp ở gần quán Cháo Lú,” hoặc “Danny trước thay dầu nhớt ở Mặc Auto, nay về vận ống bơ ở Chịu Chơi Garage.”

Trong giới viết lách văn chương cũng không có quảng cáo thay đổi nơi hợp tác – hay ít nhất không lộ liễu – như vậy. (Như trong phần tóc và da, những

tên nhà văn và tên tạp chí đều được hư cấu để diễn đạt ý tưởng... tếu ba xu, không nhằm đặt vấn đề lớn hay nhỏ để tranh luận cho tốn thời giờ).

Mấy tạp chí văn học ở hải ngoại có những cây viết riêng, thường xuyên của nhóm. Có khi cây viết của nhóm này không “chơi” hoặc viết cho nhóm kia. Cũng có những cây viết “khỏe” gặp báo nào cũng “chơi” xả láng, đọc ở đâu cũng thấy văn hoặc thơ của mấy cây viết đó. Tôi thuộc loại cây viết “yếu,” cả năm mới “xi” được hai hoặc ba bài ngắn ngắn, nên xuân thu nhị kỳ chỉ “chơi” với một hoặc hai tạp chí là cùng.

Chưa bao giờ thấy xuất hiện trong làng văn chương có những rao vặt như “Bobby Hoàng trước viết truyện ngắn cho báo Thế Kỷ 21, nay về với Văn Học,” “Kathy Mai trước làm thơ cho Hợp Lưu nay về với Văn,” hoặc “Timmy Tường trước viết tạp ghi cho Nhân Văn, nay về với Phổ Văn.”

Và đương nhiên không có lời mời “kéo” khách “Cám ơn quý độc giả đã ủng hộ ‘Tony nhà văn’ suốt mấy năm qua, chịu khó tìm mua sách của Tony, nay cũng mong quý độc giả tiếp tục đọc Tony ở tạp chí mới.”

Có lần rảnh rang, không có chuyện gì làm, tôi lật xem một tờ báo để tìm một cô chuyên mài da mặt để tìm hiểu tại sao cô thay đổi địa điểm làm việc. Nghe tôi nói thật tình rằng tôi chỉ hiếu kỳ, muốn biết sao cô không ở chỗ cũ, Jennifer nói ngắn gọn, “Chỗ làm mới này thoải mái hơn.”

Jennifer mài da mặt ở một tiệm trên đường Bolsa. Hình quảng cáo cho thấy cô mặc áo với đường cắt khá sâu. Đáng tiếc là báo in giấy xấu, nên đường nét không rõ cho lắm. Trước khi cúp điện thoại, Jennifer cũng gạ mài da mặt

của tôi. “No, thank you, chắc bữa khác,” tôi tìm cách rút lui và thầm nói, “Tui mà đi mài da mặt với cô thì về nhà sẽ bị vợ mài mất luôn cái đó.”

Mới đây, vài ngày trước khi viết bài này, tôi nêu câu hỏi tương tự với anh Henry ở một tiệm beauty salon nằm trên đường Westminster. “Làm ở chỗ cũ không vui, phải ăn chia với chủ. Chỗ này dễ chịu hơn,” Henry nói qua cell phone. Hình của anh cho thấy một ông khoảng trên 30 tuổi, râu mép và chân mày rậm, tóc gọn sóng, mặt hiền. Anh làm việc với cô chủ Lisa trông “dễ chịu” với áo phạch ngực, môi bơm. Tiệm của anh cũng nhận tẩy mụn cóc, uốn lông mi đẹp tự nhiên.

Không hiểu sao, từ nhiều năm trước tôi đã chú ý đến mấy cái quảng cáo “trước ở, nay về” của mấy tay thợ chăm sóc sắc đẹp. Có lẽ trong mấy chữ “trước ở, nay về” gợi trong tôi một hình ảnh phiêu bồng của kẻ du mục, rày đây mai đó, một ấn tượng bất định của kiếp người.

Như hầu hết mọi người, cuộc sống của tôi cũng trải qua bao lần “trước ở, nay về.” Nếu cần “kéo” khách, một năm trước đây tôi có thể đăng rao vặt trên tờ báo lá cải kia mấy dòng: “Tony Đạt trước làm ở đài phát thanh, nay đã về với nhật báo. Cảm ơn các bạn đã ủng hộ trong nhiều năm qua, nay mong các bạn cũng yểm trợ Tony Đạt ở địa điểm mới.” Nếu đăng thêm hình cho oai, tôi sẽ cho tẩy láng da mặt, bơm môi mọng và uốn lông mi cong “tự nhiên” cho hợp thời trang.

Đó là lần thay đổi lớn mới nhất, còn biết bao nhiêu lần khác.

Trước nhìn cô nào cũng ao ước, lòng nổi sóng tình tsunami, nay yên bề gia

thất, hạnh phúc tràn đầy với vợ hiền như biển thái bình. (Đã trót mang tiếng nịnh vợ trứ danh thiên hạ, nịnh thêm câu này chẳng mất mặt gì hơn.)

Trước ở Nha Trang, nay đã chạy về Sài Gòn để lánh nạn chiến tranh.

Trước ở chợ Xóm Mới, nay về Khánh Hội.

Trước ở Việt Nam, nay đã tị nạn ở Mỹ quốc.

Như sự việc dời địa điểm hành nghề của anh Tony hót tóc, sự thay đổi quê hương của người tị nạn có mang đến một cuộc sống thoải mái hơn về nhiều mặt, không còn sợ hãi bóng đêm khiếp đảm của chế độ Cộng Sản mà họ chạy thoát. Nhưng khác với chàng hót tóc, anh Tony tị nạn còn ao ước quay về xóm xưa, làng cũ, cất lực lao công chờ đợi từng ngày để có dịp trở lại thăm lại bà con quyến thuộc. Cuống rún tình thân chưa cắt lìa. Sau nhiều năm lưu vong, đến khi chế độ phải cởi mở theo xu hướng thời đại, những người tị nạn lục tục quay về để tìm lại một quãng đời đánh mất, hội ngộ với người quen nay không chắc nhận ra. Trong những người quay về đó đã có tôi.

Trước ở, nay về, mai trở lại.

Tưởng vậy mà rồi không phải vậy. Với gốc rễ đang bám sâu hơn ở xứ sở mới, lòng tha thiết được trở lại cố hương không còn mãnh liệt trong tôi mấy năm gần đây. Như một đứa trẻ từng bị cha ruột hành hạ, đánh đập tàn nhẫn trong những cơn say đến nỗi phải lìa bỏ mái nhà tù túng, anh Tony tị nạn tìm nơi nương tựa ở lòng thương của tha nhân. Nếu không may đụng kẻ ác, anh

đành chấp nhận một cuộc sống mới với lòng nuối tiếc cho định mệnh đã an bài. Còn nếu hên gặp người tốt, anh được nuôi dưỡng cho đến ngày khôn lớn và không bao giờ quên ơn cho dù người nuôi ấy chỉ là cha dượng không cùng chung một giọt huyết thống. Ngày về thăm cha ruột chỉ là để nhìn lại gốc rễ một lần cuối, tha thứ cho một kẻ say quyền chứ không hẳn để nói lại tình nghĩa với người cha đó, dù vẫn thương thấm thiết nhưng không thể sống cùng với những lời gạ gẫm đầu môi chót lưỡi, và rồi đến lúc phải quay gót lìa xa cố hương lần thứ nhì. Không biết ở xứ Mỹ này đã có bao nhiêu thế hệ con nuôi như thế, những đứa con mà trong lòng muôn đời bị phân chia giữa tình dân tộc và tình người.

Trước còn lưu luyến với cố quốc, nay nguội dần lòng mơ ước được về quê.

Trước sống ở quê tạm Pittsburgh, nay về phố Bolsa.

Trước là chàng lãng tử, nay là gã viết báo.

Như đã kể, tôi bị vướng nghiệp báo dứt hoài không ra, càng dứt càng bị dính. Nghĩ cho cùng, tại tôi nhìn thấy vậy chứ sự việc không chắc vậy. Nàng “vợ” nghiệp báo không chắc dữ như tôi tưởng. Cô ấy chỉ khó tính chút chút thôi. Những lúc được măn nông với nàng, phò phạc với chữ nghĩa, tôi cũng cảm thấy sung sướng mê tơi như được bay trên mây, xa lìa cõi trần đầy sân hận.

Ba, bốn chục năm trước tôi không bao giờ nghĩ đến ngày tôi sẽ sống bằng nghề viết. Đôi lúc tâm hồn bỗng trở nên “cải lương” (cải lương hoài chứ đôi lúc gì), tôi mong trở thành một nhà văn, như Thạch Lam, như Bình Nguyên

Lộc, sống bằng một nghề tay chân nào đó cho qua ngày, dành thời giờ còn lại để sáng tác những tác phẩm “để đời,” và biết đâu chừng (lúc này mới là cải lương bạo) tôi viết được một tác phẩm trúng mánh, giúp cho tôi không bao giờ phải đi làm kiếm tiền mà chỉ lo sáng tác thôi.

Cũng có những lúc tôi tưởng tượng mình sống ở một miền quê hẻo lánh, một thị trấn khi ho cò gáy chỉ có le que vài móng Á Đông, ngày ngày cuốc bộ ngó trời ngó đất, đêm ngồi gõ máy đánh chữ để tuôn ra những dòng văn bất hủ, những câu thơ tuyệt tác. Tôi không biết Thạch Lam hay Bình Nguyên Lộc có lúc nào suy ngẫm “cải lương” như vậy, hay chỉ lặng lẽ sống trong nỗi cô độc, ngậm ngùi của thân phận người viết?

Tôi hay ta thán về nghiệp viết với vợ. Thế nhưng có đôi điều nàng không hề biết về nghiệp dĩ đó. Chính tôi cũng không muốn nói vì khó diễn tả đầu đuôi bằng lời. Chi bằng viết ra chắc nàng sẽ đọc rõ hơn (không hiểu sao đang viết cho thiên hạ đọc, tôi bỗng quay qua tâm sự với vợ).

Mấy năm trước, tôi thường nghĩ rằng sự nghiệp viết lách của tôi bắt đầu từ hồi tôi còn ở Pittsburgh, tiểu bang Pennsylvania, hay đúng hơn là trong khu phố lao động West Homestead, một nơi lạnh lẽo trong mùa đông, ẩm đạm quanh năm suốt tháng trong bóng chiều của những xưởng thép bị đóng cửa. Pittsburgh có những vùng tươi nắng hơn, riêng West Homestead thì lúc nào cũng một màu buồn của phố cũ.

Ngoài giờ đi học, đi làm phụ tiền với mẹ, tôi chỉ còn đọc sách, thỉnh thoảng viết chút ít cho khuây khỏa nỗi lòng của kẻ xa xứ chưa định hướng cho tương lai. Tôi vẽ vời, tập viết truyện ngắn. Viết xong không lẽ cất trong tủ

(hồi đó tôi chưa có máy điện toán, nên bài không thể lưu trữ trong đĩa cứng, đĩa mềm hay trong cây que USB thả gọn trong túi áo, mà phải giấu trong tủ để người nhà không tình cờ khám phá đọc và chọc quē), lại phải tìm tạp chí để gửi đăng.

Vì không rành báo chí văn chương thời đó, tôi chỉ biết có tạp chí Tiền Phong ở Virginia, lại gửi bài đúng lúc tờ báo đang phát triển và mở thêm tờ Tiểu Thuyết Nguyệt San để đăng truyện ngắn. Bài viết đầu đời của tôi được đăng trên số đầu tiên của Tiểu Thuyết Nguyệt San, năm 1986. Lẽ đương nhiên hồi đó tôi dùng bút hiệu, chưa đủ tự tin để đem tên thật đăng trên báo, nhất là để tránh bị người quen khám phá mơ ước trở thành nhà văn của tôi. Và cũng đương nhiên nội dung bài ấy là truyện tình cảm hư cấu khá... sến.

Càng nghĩ sâu xa hơn, lại thấy bài viết do tôi “sáng tác” ở West Homstead và được đăng hơn 20 năm trước không thật sự khởi đầu đời viết lách của tôi. Duyên khởi cho sự nghiệp bay là đà như con cò trắng trên cánh đồng xanh, chẳng bao giờ bay vút lên mây như điều gặp gió của tôi có lẽ bắt nguồn từ chợ Xóm Mới ở Nha Trang, và từ Kim “lé,” đứa bạn thân nhất thời thơ ấu của tôi.

Kim không thật sự lé; mắt nó chỉ mài mại. Hai đứa chúng tôi cùng học ban Pháp văn trường trung học Võ Tánh (lúc đó chỉ có nam sinh, chưa có thêm nữ sinh như sau năm 1975). Nguyên các lớp đệ thất chỉ có một lớp theo Pháp văn, những lớp còn lại theo Anh văn. Không chỉ học lớp thuộc nhóm thiểu số, hai đứa chúng tôi còn là “thiểu số” trong lớp này bởi sở thích văn chương. Trong giờ chơi, thay vì rượt nhau hay đá banh, chúng tôi tìm một chỗ vắng để nói về một cuốn truyện đang đọc, y như mấy năm trước đám

học trò thường khoe nhau mấy con đề, bây giờ lớn hơn một chút thì hai đứa chúng tôi “chơi” sách thay cho đề.

Ở tuổi 13, 14, chúng tôi bắt đầu đọc những cuốn sách của Tự Lực Văn Đoàn, “nâng cấp” từ những truyện hình, truyện Tuổi Hoa, truyện trinh thám dành cho tuổi mới lớn. Giữa hai đứa thì Kim “lé” say mê văn chương hơn tôi, giỏi phân tích và có óc nhận xét cũng khá hơn. Tôi chỉ thích đọc truyện, thả hồn theo trí tưởng tượng sau khi buông sách, mơ mộng viển vông. Kim thường viết xuống “những đoạn văn hay,” xong phân tích cho tôi xem tại sao đoạn đó “hay” theo ý của nó. Một đứa thích tưởng tượng, một đứa mê phân tích, mà lại cùng chung sở thích đọc sách nên chúng tôi trở thành bạn.

Quên. Kim bị chúng bạn đặt tên “lé” vì một lần kia trong lớp Pháp văn nó bị bà giáo bắt đứng dậy trả lời “sữa” là gì theo tiếng Pháp. Bữa đó nó quên, ấp úng vài giây xong mới chợt nhớ ra và trả lời “lơ lé” (le lait). Không hiểu sao, cả lớp ôm bụng cười, bà giáo cũng vậy, trong khi tôi ngượng giùm cho Kim. Chúng bạn gọi nó là Kim “lé” từ đó.

Về văn chương, so với Kim thì tôi chẳng biết gì hơn ngoài những lời giảng trong lớp. Vậy mà mỗi lần thi viết bài tả cảnh, tả người, tôi vẫn được điểm cao hơn nó, có lẽ nhờ tôi phóng bút viết tào lao nghĩ tới đâu viết tới đó (như đang viết bài này), trong khi bạn tôi lại cắn bút suy nghĩ quá lâu nên viết không ra hoặc không xong. Kim không ganh tị mà còn tự hào rằng những người đọc nhiều, biết nhiều (như nó chẳng hạn) thường viết không hay. Nó mừng mỗi khi thấy tôi được điểm cao hơn mấy đứa khác.

Kim xem tôi như đứa học trò, thường bắt tôi ngồi nghe nó “giảng” về những

đoạn văn đẹp, về những tác phẩm nó đã đọc như muốn tôi viết khá hơn. Được cái cả hai đứa đều không thích “luyện” truyện chương. Riêng tôi thường lên đọc thêm truyện gián điệp Z-28 mà không cho Kim biết vì loại truyện này cũng bị nó chê không có “những đoạn văn hay.”

Kim yếu đuối như con gái mặc dù lớn xác hơn tôi. Tuy không mạnh bằng mấy đứa trẻ cùng lứa tuổi, tôi vẫn khỏe hơn, nhanh nhẹn hơn Kim. Điều đó cũng đưa đến một biến cố khiến tôi ân hận đến mấy chục năm sau, nhắc lại vẫn thấy đau lòng mặc dù chuyện không ra gì, chắc nó cũng không nhớ. Bữa đó, trước giờ Toán, đám học sinh trong lớp bỗng rủ nhau xếp hàng để bước bên trên một bệ tường cao hơn mặt đất chừng ba thước. Từng đứa theo nhau leo lên bệ. Hai đứa tôi cũng bị đẩy theo các bạn. Tôi đi sau Kim. Đến đoạn chót của bệ tường dài chừng mười thước, Kim sợ, không dám nhảy xuống đất. Trong lúc mấy đứa kia hò hét, vừa la vừa chọc nó, tôi đến sát bên, khuyên nó mấy lần rằng cứ nhảy đại xuống đi, đừng chần chừ thêm nữa, không sao đâu. Kim bỗng run rẩy, bật khóc, khiến tôi bực mình và liền đưa tay nắm mạnh vào lưng nó. Thấy Kim đưa tay chống cự, tôi càng nóng giận và xô mạnh cho nó té xuống đất. Nó hét lên, lao xuống mặt đất cứng với bộ tịch cuồng cuồng, làm cho mấy đứa kia cười lớn hơn. Tôi nhảy theo trong lúc Kim lom còm đứng dậy, lùi thối cúi đầu bỏ đi nơi khác. Nó không sao hết như tôi đã biết trước, nhưng tôi bị tổn thương sâu đậm vì nỗi ân hận. Lúc đó tôi là một thằng trẻ con, chưa đủ bản lĩnh của một người trưởng thành để có thể chạy theo và xin lỗi đứa bạn thân nhất trong đời. Nhìn nó đi xa và bỏ học bữa hôm ấy, tôi xót xa trong lòng, mang một vết thương chưa lành từ ngày đó. Mà cũng chính nhờ vết thương ấy, đôi ba lần tôi tránh được bạo động. Những lần khác né không được vì tôi là dân ở chợ, dân sống trong xóm lao động, đi tới đi lui những chỗ như vậy cũng có ngày bị đánh và phải

đánh lại, như người ta sống trong một xứ chiến tranh thì thế nào cũng có ngày bị bắn và phải bắn.

Mấy ngày sau “biến cố” bệ tường, tôi rảo bước theo Kim về hướng nhà của nó. Biết bỏ tôi không được, nó đành đi chậm lại cho tôi đến bên cạnh. Trong lúc nó cúi gằm như không muốn thấy bản mặt tẻ bạc của kẻ đã hắt hủi, lỡ có hành động tàn nhẫn với nó hôm nọ, tôi hỏi nhỏ Kim có đọc sách gì mới kể tôi nghe. Sau mấy giây im lặng, Kim kể về một truyện đang đọc dở dang và rủ tôi ghé Nhà Thờ Núi để nghe nó “giảng.” Chúng tôi thường bàn chuyện văn chương (đúng ra Kim bàn nhiều chứ tôi chỉ lắng nghe thôi; nhờ trời thương, tôi có vành tai lớn tốt cho chuyện đó) ở những nơi yên ắng tại Nha Trang thời ấy. Có lúc chúng tôi ngồi lại ở trong lớp tại trường Võ Tánh, có lúc đi bộ xuống bãi biển tìm một gốc cây dương vào giữa trưa, và vài lần ghé vào bóng mát trong sân Nhà Thờ Núi ở Ngã Sáu gần nhà của Kim. Mỗi lần nghe giảng “những đoạn văn hay,” tôi thường nằm nhìn trời mây, còn Kim ngồi bên cạnh với cuốn sách hoặc tập vở có ghi chú những đoạn mà nó muốn chia sẻ với tôi. Cũng ở Nhà Thờ Núi, có lần tôi bị Kim rầy trách vì trong lúc nó đang nói huyền thuyên, mê say về một thi sĩ hay một nhà văn nào đó đang nổi tiếng trong giới trẻ ở Sài Gòn, tôi lại trở tay lên trời chỉ những hình ảnh đang biến đổi ở trên mây.

Sau những giây phút thần tiên ấy, Kim thường rủ tôi về nhà để ăn. Nó luôn cho tôi ăn, có khi kem, có khi cơm, có khi chè, trước khi tiễn tôi về xóm chợ. Gia đình Kim thuộc cấp khá giả, nhà có tủ lạnh, nền lát gạch, cửa song sắt. Mỗi lần chia tay ở cửa, Kim thường dặn tôi, “Nhớ đừng nói mẹ biết mày đến nhà tao.” Kim sợ tôi bị mẹ cấm chơi với con nhà giàu. Nhà tôi lúc ấy là một cái quán trong chợ Xóm Mới, cách phòng vệ sinh công cộng hai căn. Vì

bản tính nhút nhát, mà cũng có lẽ vì bị gia đình cấm, Kim không bao giờ bước chân vào xóm chợ. Mỗi buổi sáng Kim chờ tôi ở ngoài cổng trường, nét mặt hân hoan khi trông thấy đứa “học trò” của lớp văn chương của nó.

Lớp học chỉ có hai đứa “mày, tao” rồi cũng đến lúc phải bế mạc. Đầu mùa thu năm 1974, cuộc sống ở chợ Xóm Mới lâm vào ngõ cụt, mẹ tôi mang hai con về gần gia đình bên ngoại ở Sài Gòn để nương tựa. Mẹ con sống nhờ một gia đình bà con xa trong một ngõ hẻm sâu hun hút ở Khánh Hội, xung quanh luôn phảng phất mùi cống.

Trong thư gửi về cho Kim, tôi không dám nói thật về cuộc sống mới, sợ bạn buồn. Tôi chỉ viết về những đại lộ rợp bóng mát ở đô thị và trường học có nhiều nữ sinh đẹp với mái tóc demi-garçon thịnh hành lúc bấy giờ. Đó là những đoạn văn dở. Tôi không kể mỗi buổi sáng tôi phải thức dậy lúc 5 giờ sáng để dùng hai cánh tay gầy rảnh sức đẩy một xe chở gạo qua những quãng tối đầy muỗi đến một sạp bán hàng ở đầu chợ trên đường Tôn Đức Thắng, chiều tối gồng mình đẩy xe về trong một con hẻm có những đứa trẻ chờ chực để đập một thằng lạ mới từ phương xa đến kiếm sống. Tôi tránh kể cho Kim biết tôi bị chúng dí đánh vào một buổi tối như vậy. Trong đám du côn đứng xem tôi bị đá trúng ngực văng vào tường có một thanh niên vai cậu của tôi. Anh ta còn nói khích mấy đứa kia rằng tôi là dân Miền Trung có võ Bình Định, chúng coi chừng bị tôi đá giò lái. Tôi không biết võ, và lẽ đương nhiên tôi không nói cho Kim hay rằng những dòng chữ bị run rẩy trên lá thư lần này là vì mấy ngón tay tôi của tôi bị sưng bầm, viết rất đau. Tôi cũng không nhắc đến những lúc phải cúi mặt hoặc nhìn hướng khác mỗi khi thấy ông ngoại, bà ngoại kể và mấy cô em cùng cha khác mẹ của mẹ tôi đi ở bên kia đường. Họ tránh bước gần sạp gạo của tôi như không muốn mọi người biết

họ có một đứa cháu đen đũi, tha phương cầu thực đến nơi đây. Sau vài lần hướng mắt về phía họ chờ đợi ánh mắt phản hồi, tôi hiểu ra và nhìn xuống để giúp cho họ được đi qua dễ dàng hơn. Cuộc sống của họ vốn đã khó, tôi không muốn tạo thêm gánh nặng cho ai. Thư gửi cho Kim thừa dần. Trong thư cuối của Kim mà tôi nhận được, một dòng của lá thư ngắn có ghi mấy chữ: “Mày nhớ viết.”

Cuộc chiến tàn. Tôi lo lắng khi nghe tin các tỉnh ở Miền Trung đã rơi vào tay Cộng Sản. Trong những đoàn người lánh nạn hiện trên mấy tấm ảnh đăng báo, tôi cố tìm hình bóng của Kim, hy vọng nó chạy thoát. Tôi sợ nó yếu đuối, bị đập chết trên đường tản cư. Cho tới nay tôi không biết số phận Kim ra sao. Có lúc ngồi nhìn ra cửa sổ trên một căn chung cư ở trong xóm West Homestead, tôi nhớ đến những ngày thông dong với Kim ở Nha Trang, mong cuộc đời của nó sẽ có “những đoạn văn hay,” không bị vùi dập trong cơn sóng của thời cuộc. Phần mình, tôi lật những trang sách, tập tành viết lách để tìm niềm vui.

Từ ngày xa xứ, tôi có hai món nợ cần được giải quyết tại miền đất Nha Trang: tìm mộ cha và tìm Kim. Gần mười năm trước tôi ghé Nha Trang được mấy tiếng đồng hồ, khám phá nghĩa địa chôn cha tôi nay là một khu chợ sinh lây. Nghe nói hài cốt của ông được hốt về Đồng Bò. Một ngày kia tôi sẽ về Đồng Bò để tìm ông. Còn Kim?

“Mày nhớ viết.”

Có lẽ tôi có duyên với nghiệp viết, cho dù là viết báo. Kim không là người duy nhất có lời trợ lực dành cho tôi, nhưng lời đó xem ra lại mạnh mẽ nhất

cho tôi lúc này.

Một thiền sư đời nhà Đường từng nói lúc chưa tu ông thấy núi chỉ là núi, sông chỉ là sông; sau khi nhập đạo tu hành, ông thấy núi không là núi, sông không là sông; nhưng đến khi giác ngộ, ông lại thấy núi vẫn là núi, sông vẫn là sông.

Viết chỉ là viết, tôi từng nghĩ vậy. Viết vì tiền, vì danh, vì muốn mãn nguyện cái tôi, vì cần khoe tài. Tôi biết rõ điều đó vì chính tôi đã trải qua những đêm tối u mê như vậy. Có người viết để chê trách người khác, dùng ngòi bút như một thanh kiếm để đâm chém, triệt hạ đối thủ trong những cuộc bút chiến. Viết với ý hại người khác. Tôi từng bị cám dỗ để bước vào con đường viết lách độc ác như thế. Có lẽ vậy mà tôi đã chán viết, xem nó như một bà vợ dữ cần phải ly dị... gấp.

Nay tôi lại thấy khác. Viết có nhiều động lực. Không phải ai cũng viết với mục đích như nhau. Có người viết với lương tri để mang lại thay đổi khá hơn cho xã hội, viết để xây dựng thay vì phá hoại, mang đến niềm vui thay vì nỗi lo âu, thông tin thay vì tuyên truyền, cho dù đôi lúc công sức của họ bị đáp lại với tiếng thị phi, với lời soi mói, với lương tâm luôn bị thử thách, với hạnh phúc riêng bị hy sinh cho lợi ích chung.

Lương tâm mong manh của một người viết, nếu có, sẽ luôn luôn bị tà niệm bao vây, bị hành hung trong một con hẻm tối tăm. Nhưng không vì vậy mà tôi khuất phục. Viết với lương tâm khó mà không khó, như gióng lên một dòng nhạc kinh êm dịu giữa đêm khuya của khổ đau, như thắp một ánh nến tỏa sáng trong bóng tối của u mê.

“Mày nhớ viết.” Dòng nhạc xưa trở về với tôi, xoa dịu nỗi băn khoăn trong đêm tối.

Có lẽ nhờ nhớ đến Kim mà tôi không còn chán ngán nghề viết lách. Viết là một cơ duyên, một phương tiện sẵn có mà tôi có thể dùng để tạo “những đoạn văn hay,” những ý niệm lành ngay trong thời khắc này.

Trước ở Xóm Mới, nay về Bolsa.

Chắc bữa nào tôi phải đăng quảng cáo để “câu” khách: “Tony Đạt nay về Bolsa, trước ở Xóm Mới. Cảm ơn quý vị đang ủng hộ Tony, mong quý vị lui về quá khứ để tìm lại những lý tưởng đáng trân quý thời thơ ấu, dùng chúng như ánh sáng soi đường cho cuộc sống.”

Quảng cáo chắc chắn phải có hình “Tony Đạt” với ánh mắt gợi cảm, đôi môi bơm mọng. Chưa gì lại háo danh. Viết dễ mà khó, khó mà dễ là vậy.

Hoàng Mai Đạt

Westminster, October 15, 2008

Nguồn: <http://www.gio-o.com>

Được bạn: Thanh Vân đưa lên

vào ngày: 13 tháng 4 năm 2009